

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~180~~/CBTT-CN&MTĐT
V/v công bố Báo cáo thường niên năm
2019

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp**
Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: (0277) 3853332 Fax: (0277) 3852825
Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lý Thu Cúc
Địa chỉ: Số 07 đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 1, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0918.282.870
Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)
Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty: www.dowasen.com, tại chuyên mục Quan hệ cổ đông từ ngày 04/04/2020.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (b/c), BKS (g/s);
- Lưu: VT, CBTT.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2019

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người thực hiện công bố thông tin



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp

Điện thoại: (0277) 3853 332

Fax: (0277) 3853 332

Website: www.dowasen.com

Địa chỉ: Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN

2019

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG 06

Thông tin khái quát	08
Quá trình hình thành và phát triển	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức	14
Định hướng phát triển	16
Rủi ro	18

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 22

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	24
Tổ chức và nhân sự	26
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	30
Tình hình tài chính	31
Cơ cấu cổ đông	33
Báo cáo phát triển bền vững	34

03 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC 36

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	38
Tình hình tài chính	39
Những cải tiến trong năm	40
Kế hoạch phát triển	41

04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 44

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	46
Về các mặt hoạt động của Công ty	47
Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	48
Kế hoạch và định hướng	49

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY 52

Hội đồng quản trị	54
Ban kiểm soát	58
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	60

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 62

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	64
Ý kiến của kiểm toán	67
Báo cáo tài chính	69

01

THÔNG TIN CHUNG



Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Rủi ro

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.
Tên Tiếng Anh	: Dong Thap Water Supply and Urban Environment Joint – Stock Company.
Tên viết tắt	: DOWASEN.
Mã cổ phiếu	: DWS.
Vốn điều lệ	: 259.181.300.000 đồng.
Trụ sở chính	: Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
Điện thoại	: (0277) 3853 332.
Fax	: (0277) 3853 332.
Email	: capnuocdt@dowasen.com.
Website	: www.dowasen.com.
Giấy CN ĐKDN số	: Số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2018.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Ngày 03/07/1976, Sở Xây dựng Tỉnh được thành lập và hình thành các bộ phận trực thuộc Sở, trong đó có nhà máy nước Sa Đéc và nhà máy nước Cao Lãnh.

1983

UBND tỉnh ra quyết định nâng nhà máy Cao Lãnh thành Xí nghiệp Cấp nước thị xã Cao Lãnh.

1989

Ngày 16/10/2089, Công ty Dịch vụ Cấp thoát nước tỉnh Đồng Tháp được thành lập theo quyết định số 28/QĐ-TL của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh trên cơ sở nền tảng của Xí nghiệp Cấp nước thị xã Cao Lãnh. Bộ máy tổ chức Công ty gồm 3 phòng nghiệp vụ, 1 đội thi công, có 31 cán bộ công nhân viên. Với số vốn ban đầu là 10.086.000 đồng. Ông Lý Khôi Văn được đề bạt làm Giám đốc Công ty.

1992

Ngày 09/12/1992, UBND tỉnh quyết định thành lập Doanh nghiệp nhà nước Công ty Cấp nước tỉnh Đồng Tháp theo quyết định số 132/QĐ.TL, trụ sở chính đặt tại số 01 đường Nguyễn Huệ, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1994

Ngày 15/01/1994, Công ty thành lập thêm nhà máy nước huyện Lai Vung và huyện Châu Thành. Ông Nguyễn Anh Dũng được bổ nhiệm làm giám đốc nhà máy nước huyện Châu Thành và ông Lê Văn Thanh được bổ nhiệm làm giám đốc nhà máy nước huyện Lai Vung.

1996

Tháng 10/1996, Công ty tiếp nhận và thành lập Nhà Máy Nước huyện Cao Lãnh, đồng thời bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Sơn làm Giám đốc.

1998

Ngày 18/04/1998, UBND Tỉnh ra quyết định số: 60/QĐUB.TL về việc chuyển Công ty Cấp nước thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích. Trụ sở chính đặt tại số 44 đường 30/4, phường 01 thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03/06/1998, Công ty thành lập Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư ngành nước trực thuộc Công ty, nay là Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư. Ông Phan Đình Hùng được bổ nhiệm làm giám đốc Xí nghiệp, trụ sở tại số 01A, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2000

Công ty được giao quản lý 11 nhà máy cấp nước huyện, thị trong Tỉnh, trụ sở mới đặt tại số 01 đường Tôn Đức Thắng, phường 1 thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2003

Ngày 16/03/2003, UBND Tỉnh ra quyết định số 16/QĐ.TL về việc sát nhập 02 công ty Xây lắp và Dịch vụ của hai thị xã Sa Đéc và thị xã Cao Lãnh vào Công ty cấp nước và đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Tỉnh Đồng Tháp. Đến tháng 03 năm 2004, trạm cấp nước huyện Lấp Vò đã được giao về Công ty quản lý.

2006

Ngày 21/09/2006, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh ra quyết định số 158/QĐ-UBNDTL về việc chuyển đổi tên Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Tỉnh Đồng Tháp thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

2017

Ngày 29/03/2017, Cổ phần hóa từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp thành Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

2019

Ngày 05/01/2019, Cổ phiếu của CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp chính được chấp thuận đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM.

Ngày 01/11/2019, Công ty quyết định giải thể công ty con Công ty nước Đồng Bình, lý do: nhà nước xác lập sở hữu toàn dân đối với tài sản Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

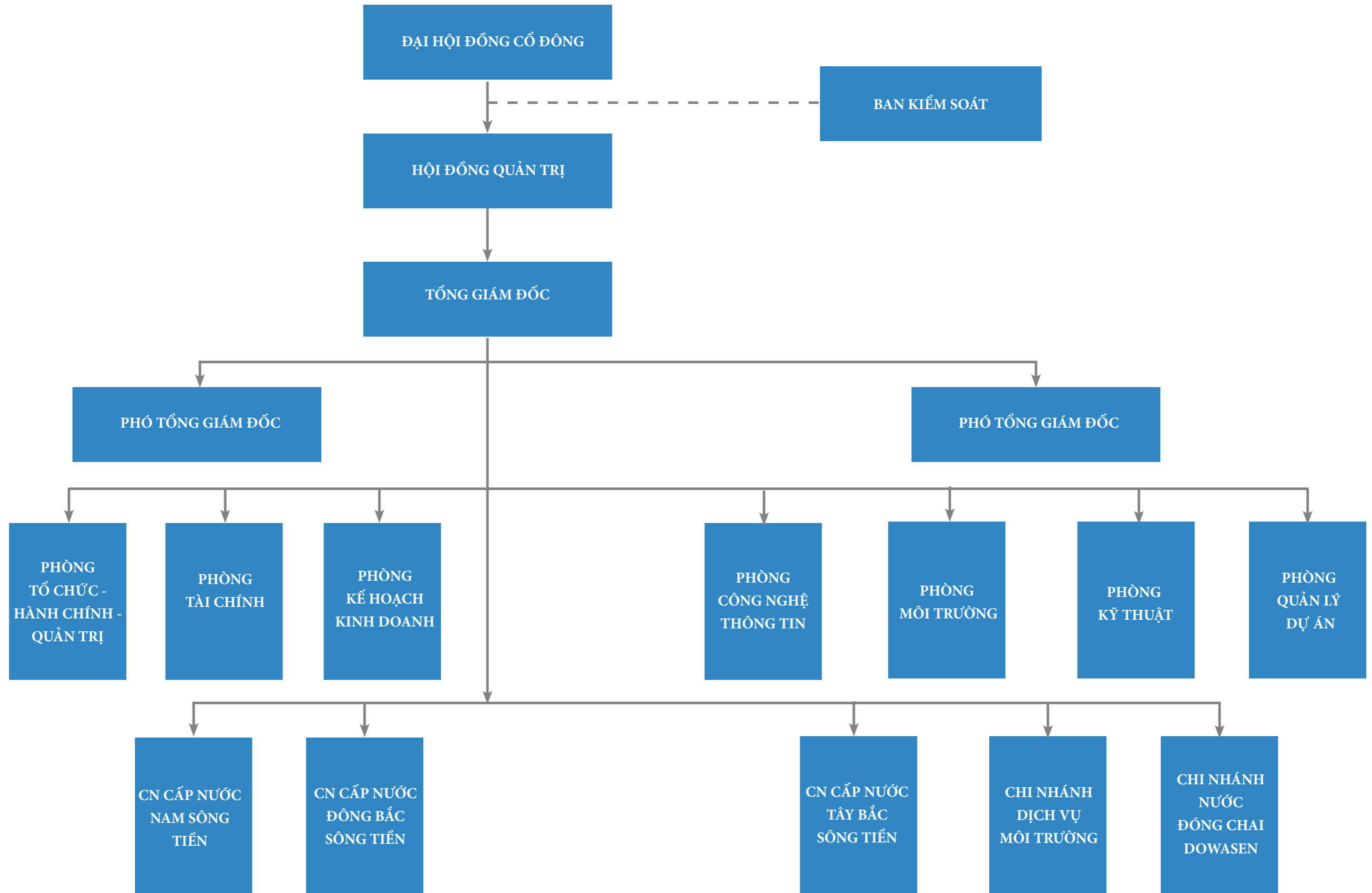
- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác.
- Sản xuất, kinh doanh nước đóng chai, đóng bình Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, thoát nước, vỉa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải).
- Tư vấn xây dựng, tư vấn giám sát, khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn; Thiết kế các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án; Thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình dân dụng; Thẩm tra thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ); Thẩm tra thiết kế công trình xây dựng thủy lợi, hạ tầng, kỹ thuật; Thiết kế công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp, hệ thống điện công trình xây dựng); Lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước. Lập và xét hồ sơ đấu thầu; Tư vấn môi trường.
- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị.



Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn hoạt động của Công ty chủ yếu ở thành phố Sa Đéc, thành phố Cao Lãnh, thị Hồng Ngự và các huyện trong tỉnh như Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò, Tháp Mười, Cao Lãnh,...





Các mục tiêu chủ yếu:

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước và dịch vụ đô thị hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đặt ra các mục tiêu phát triển như sau:

- Đầu tư để cải tạo, nâng cấp nhà máy, trạm xử lý nước và mạng lưới cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác xử lý và cung cấp nước. Phấn đấu trở thành Công ty có dịch vụ cấp nước hàng đầu khu vực.
- Đảm bảo việc cấp nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước.
- Mở rộng phạm vi thu gom rác thải trên địa bàn nội ô thành phố, thị xã, thị trấn và vùng ven ngoại ô, vùng nông thôn.
- Mở rộng các loại hình dịch vụ đô thị như: vệ sinh gia đình và cơ quan; trồng mới, chăm sóc hoa viên cây cảnh, thiết kế sân vườn; dịch vụ tang lễ: hỏa thiêu, lưu giữ tro cốt, xây mộ,...
- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển mạnh mẽ.
- Giữ vững ổn định hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa. Có các giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả chiến lược, đảm bảo đưa Công ty tăng trưởng bền vững.


Chiến lược trung và dài hạn:

DOWASEN tập trung phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa với mục tiêu xây dựng Công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động, đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Chiến lược kinh doanh:

Chiến lược kinh doanh của Công ty chủ yếu vẫn tập trung vào 3 lĩnh vực chính là cấp nước, dịch vụ môi trường đô thị và nước đóng chai, đóng bình. Trong đó:

Về cấp nước: Chú trọng việc định mức tiêu hao các loại nguyên nhiên vật liệu nhằm quản lý chặt chẽ và tiết giảm chi phí. Tập trung nguồn lực mở rộng địa bàn ra các vùng ven đô thị và vùng nông thôn, kết nối mạng lưới đường ống giữa các huyện, thị thành phố nhằm đảm bảo cấp nước an toàn, chiếm lĩnh thị phần và tăng khách hàng.

Dịch vụ môi trường đô thị: Chủ động trong công tác đấu thầu, nhận thầu, thực hiện xã hội hóa công tác thu gom rác thải và thu phí vệ sinh, chú trọng công tác vận chuyển và xử lý rác thải; tiếp tục phát triển mở rộng địa bàn và thực hiện có hiệu quả các dịch vụ môi trường; quản lý khai thác tốt nghĩa trang và lò hỏa thiêu.

Nước đóng chai: Phát triển thị trường tiêu thụ nước đóng chai, đóng bình đảm bảo vận hành có hiệu quả Nhà máy nước đóng chai, tăng doanh thu và lợi nhuận, nâng hình ảnh và thương hiệu cho Công ty.

Chiến lược đầu tư phát triển:

- Đầu tư các dự án trọng điểm để xây mới, cải tạo và mở rộng các nhà máy nước, hệ thống ống truyền dẫn, ống phân phối nước, vùng phục vụ để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất.
- Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2025 xuống dưới 18%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.
- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành.
- Từng bước chuyển dần sang khai thác sử dụng nước mặt, hạn chế sử dụng nước ngầm. Đến 2025 nâng tỉ lệ sử dụng nước mặt lên 80%, năm 2030 là 100%.
- Đảm bảo thực hiện tốt công tác môi trường, dịch vụ công cộng theo hợp đồng do các địa phương khác giao. Tham gia đấu thầu hoặc nhận đặt hàng với chính quyền các địa phương thực hiện công tác vệ sinh môi trường với Công ty dài hạn, từ 03 - 05 năm.
- Nâng cao hiệu quả thu phí vệ sinh hàng tháng đạt từ 90% trở lên và phát triển khách hàng tham gia dịch vụ thu gom rác thải trên địa bàn do Công ty đảm nhiệm bình quân đạt 95% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030.
- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác hợp vệ sinh, không để ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh và không vi phạm các quy định của Nhà nước.

Rủi ro kinh tế:

Năm 2019, tình hình kinh tế thế giới có phần tăng trưởng chậm lại. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và xung đột thương mại giữa nhiều nước gây ra những tác động sâu rộng và nhiều chiều đến kinh tế thế giới. Tốc độ tăng trưởng tại các nền kinh tế phát triển có xu hướng chững lại do chiến tranh thương mại. Trước những biến động của thế giới thì Việt Nam lại có một nền kinh tế khá tích cực. Theo Tổng cục thống kê, nền kinh tế năm 2019 duy trì đà tăng trưởng cao, GDP tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Chính phủ đề ra. Bên cạnh đó, lạm phát bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, mặt bằng lãi suất cho vay vẫn duy trì mức tương đương năm 2018, khoảng 8% cho ngắn hạn và 10.5% cho vay trung và dài hạn. Đáng chú ý, trong giai đoạn 2 tháng cuối năm, Ngân hàng Nhà nước đã có những tín hiệu nới lỏng chính sách tiền tệ, thông qua các văn bản điều hành như Thông tư 30/2019/TT-NHNN về điều chỉnh giảm dự trữ bắt buộc ở một số Ngân hàng Thương mại, Thông tư 22/2019/TT-NHNN về điều chỉnh tỷ lệ LDR cho Ngân hàng Thương mại đã tạo điều kiện tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp trong đó có DWS.

DWS là công ty luôn đi đầu về khai thác và phân phối nước sạch đến các hộ dân trong khu vực, do đó mở rộng mạng lưới đường ống ngày càng nhiều. Một khi đất nước phát triển thì nhu cầu nước sạch sẽ ngày càng tăng cao, điều này góp phần giúp Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Đặc thù lĩnh vực của Công ty là khai thác, phân phối nước sạch và vệ sinh môi trường. Đây là yếu tố không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất do đó ít bị tác động mạnh bởi các yếu tố thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế. Tuy nhiên, DWS luôn chủ động theo dõi tình hình biến động về kinh tế vĩ mô, có những kế hoạch dự phòng cho các rủi ro có thể xảy ra bất cứ lúc nào từ đó có các biện pháp ứng biến hiệu quả và đảm bảo nhu cầu ngày càng cao của các khách hàng về nước sạch.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, những rủi ro như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... tuy hiếm xảy ra nhưng cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và sự ổn định của các công ty và toàn xã hội. Có thể thấy đây là những rủi ro có thể bất ngờ xảy ra và không thể loại trừ nguy cơ gây tổn thất đến tính mạng, sức khỏe của con người và tài sản, tình hình hoạt động và sản xuất của công ty. Tuy không thể loại bỏ hoàn toàn những rủi ro trên nhưng có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật các tin tức: chính trị, thời tiết, xã hội... Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và phòng tránh thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ để chủ động ứng phó, hạn chế thiệt hại về người và tài sản đến mức thấp nhất.

Rủi ro pháp luật

Luật pháp luôn luôn hiện hữu song song cùng các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Đối với DOWASEN, hoạt động của Công ty phải tuân theo hệ thống luật và văn bản dưới luật như: Luật Bảo vệ môi trường, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán,... Trong thời gian tới Luật Chứng khoán 2019 (bổ sung) sẽ được áp dụng vào 01/01/2021. Vì vậy, Công ty cần phải cập nhật, tìm hiểu chính xác để tránh sai phạm trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Rủi ro môi trường

DWS cũng cung cấp dịch vụ về môi trường nên trong quá trình thực hiện, các hoạt động của doanh nghiệp ít nhiều sẽ có tác động đến môi trường sống tại địa phương. Cụ thể, hoạt động thu gom rác, vận chuyển và xử lý chất thải nếu không thực hiện tốt sẽ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Ý thức rõ điều đó, DWS luôn thận trọng, giám sát các hoạt động của mình để đảm bảo môi trường sống của cộng đồng luôn xanh - sạch - đẹp.





Rủi ro đặc thù:

Rủi ro thất thoát nước:

Đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước luôn được quan tâm hàng đầu. Nguyên nhân thất thoát nước xảy ra là do hệ thống đường ống cấp nước đã cũ, nhiều đường ống mục vẫn chưa được thay thế, tình trạng rò rỉ ống nước ở mức cao và có cả sự gian lận trong sử dụng nước. Trước tình hình đó, Công ty thường tiến hành kiểm tra đường ống nước ngầm định kỳ, duy trì kiểm tra, đo đồng hồ khách hàng và thay thế được những đồng hồ chạy không chính xác để giảm thiểu rủi ro. Tính đến cuối năm 2019, tỷ lệ thất thoát nước bình quân của công ty là 21,26%.

Rủi ro giá cả:

Cấp nước và dịch vụ môi trường là ngành dịch vụ công ích chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Giá nước sạch của DOWASEN được áp dụng theo thông báo số 527/CN&MTĐT ngày 03/07/2017 của Công ty dựa trên Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành ngày 28/06/2017. Trong khi đó, giá dịch vụ môi trường được thực hiện theo Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ban hành ngày 04/05/2018. Đây là hai hoạt động kinh doanh chính yếu của Công ty nên sự thay đổi về đơn giá sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù hiện nay, giá các dịch vụ công ích luôn được quan tâm và điều chỉnh để hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và người sử dụng. Tuy nhiên, với khung giá được định sẵn kèm theo tỷ lệ thất thoát nước cao luôn được xem là hạn chế trong việc đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Rủi ro đầu vào sản xuất

Đầu vào sản xuất của một doanh nghiệp cấp nước sẽ bị ảnh hưởng bởi hai yếu tố chính là nước thô và nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu đầu vào của công ty chủ yếu là các hóa chất, không chiếm tỷ trọng quá lớn trong giá vốn. Nước thô phụ thuộc vào nguồn nước mặt, nước ngầm vì vậy bất kỳ sự thay đổi nào về chất lượng và lưu lượng nước thô đều có tác động lớn đến quá trình xử lý nước và hoạt động kinh doanh của công ty. Xã hội ngày càng phát triển, dân cư đông đúc thì lượng chất thải sinh hoạt, công nghiệp cũng tăng lên theo cấp số nhân đã làm ô nhiễm môi trường sống nghiêm trọng, đặc biệt là môi trường nước. Bên cạnh đó, tại một số khu vực dân cư không tập trung, sản lượng tiêu thụ nước sạch không cao nhưng chi phí đầu tư bỏ ra lại cao làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, rủi ro còn đến từ việc suy thoái nguồn nước ngầm yếu tố này nằm ngoài kiểm soát của các nhà máy nước. Tình trạng khan hiếm nước sạch nghiêm trọng xảy ra không chỉ ở các khu vực thành thị như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh mà còn ở các vùng nông thôn ở Tây Nguyên, vùng biển, vùng Đồng bằng sông Cửu Long do tình trạng hạn hán xâm nhập. Tuy nhiên, tại tỉnh Đồng Tháp, công ty DOWASEN vẫn luôn nỗ lực và đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch cho người dân, tuân thủ các quy định của cơ quan chức năng để khai thác nguồn nước hợp lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% Thực hiện 2019/ Kế hoạch 2019	% Thực hiện 2019/ Thực hiện 2018
Doanh thu thuần	287.158	280.000	320.498	114,46%	111,61%
Lợi nhuận từ HĐKD	23.450	-	28.281	-	120,60%
Lợi nhuận trước thuế	23.785	-	27.486	-	115,56%
Lợi nhuận sau thuế	21.406	22.320	24.539	109,94%	114,64%

Trong năm 2019, tình hình kinh tế xã hội phát triển đã thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ của DOWASEN. Nhờ vào việc đầu tư sửa chữa, nâng công suất một số nhà máy xử lý nước và mở rộng sản xuất kinh doanh ra vùng ven, vùng nông thôn trong tỉnh nên doanh thu thuần năm 2019 của công ty đạt 320.498 triệu đồng tăng 11,61% so với cùng kỳ năm trước. Song song đó, dưới sự chỉ đạo, quan tâm của các cấp chính quyền địa phương và sự nỗ lực hết mình của cán bộ công nhân viên, Công ty đã ghi nhận 24.539 triệu đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 14,64% so với năm 2018. Nhìn chung, DOWASEN luôn cố gắng để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra, cụ thể các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch.

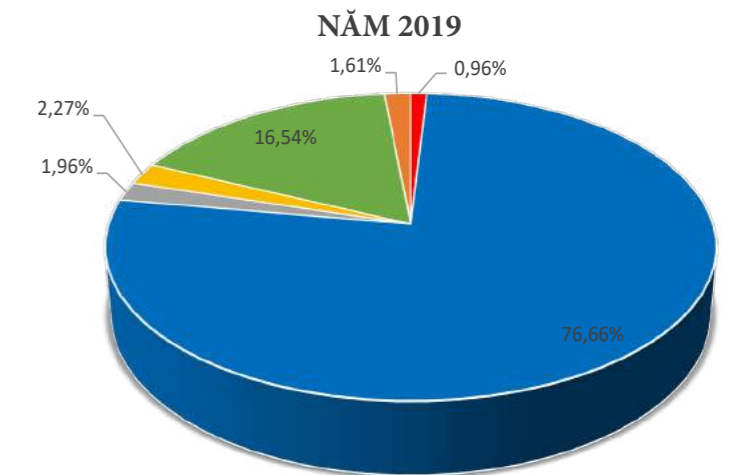


Cơ cấu doanh thu thuần:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng	2.998	1,04%	3.074	0,96%
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	217.223	75,65%	245.891	76,66%
Doanh thu nước đóng chai	4.993	1,74%	6.285	1,96%
Doanh thu xây lắp	8.178	2,85%	7.288	2,27%
Doanh thu dịch vụ gom rác	48.924	17,04%	53.047	16,54%
Doanh thu khác	4.842	1,69%	5.156	1,61%
Tổng cộng	287.158	100%	320.741	100,00%

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt
- Doanh thu nước đóng chai
- Doanh thu xây lắp
- Doanh thu dịch vụ gom rác
- Doanh thu khác



Năm 2019, doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu với 76,66% và tăng 13,20% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do tăng 16.492 khách hàng, trong đó tiếp nhận hơn 9.000 khách hàng từ các trạm nước nông thôn ở khu vực huyện Châu Thành và xã Tân Dương. Cùng với đó, Công ty ngày càng mở rộng đầu tư phát triển ra các vùng ven, vùng nông thôn trong tỉnh.

Đối với doanh thu của hoạt động thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt, Công ty mở rộng địa bàn thu gom rác, dẫn đến số lượng khách hàng cũng tăng theo. Tính đến cuối tháng 12/2019, tổng số khách hàng tham gia dịch vụ gom rác là 56.590 hộ, tăng 11.416 hộ so với năm 2018. Nhờ đó, năm vừa qua mảng doanh thu này mang lại cho Công ty hơn 53 tỷ đồng, tăng 8,43% so với năm trước và đồng thời chiếm 16,54% trong cơ cấu doanh thu.

Doanh thu nước đóng chai cũng tăng hơn 1,29 tỷ đồng so với cùng kỳ do Công ty đa dạng hóa dung tích và mẫu mã sản phẩm trên thị trường, mang thương hiệu DOWASEN đến gần với người tiêu dùng hơn. Trong năm, Công ty phát triển mới 31 đơn vị gồm 12 đại lý và 19 cơ quan, công ty doanh nghiệp về kinh doanh nước đóng chai.

Riêng về doanh thu hoạt động xây lắp, ngày 01/07/2019, Công ty triển khai việc tổ chức lại và giải thể Chi nhánh Xây lắp và Vật tư để tập trung tổ chức thi công các công trình, hệ thống cấp nước nội bộ Công ty nên doanh thu này có phần sụt giảm so với năm 2018, cụ thể giảm 10,88%.

Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Để	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
4	Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng

Lý lịch Ban điều hành:
Ông Nguyễn Văn Để - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 04/04/1965

Địa chỉ thường trú : số 138, đường Ngô Thời Nhậm, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.

Quá trình công tác :

- Từ 05/2003 – 09/2005 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
- Từ 10/2005 – 04/2015 : Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư Công ty TNHH MTV Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
- Từ 05/2015 - 03/2017 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
- Từ 03/2017 - 04/2017 : Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- Từ 04/2017 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 57.700 cổ phiếu, chiếm 0,22% vốn điều lệ.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 6.433.800 cổ phiếu, chiếm 24,82% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Anh Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 20/12/1965

Địa chỉ thường trú : số 165, đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tổng hợp.

Quá trình công tác :

- Từ 08/2015 - 03/2017 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
- Từ 03/2017 - 04/2017 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
- Từ 04/2017 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 8.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 2.218.540 cổ phiếu, chiếm 8,56% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Thượng Vũ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 03/03/1966

Địa chỉ thường trú : số 200, đường Hùng Vương, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghệ hóa học (Thực phẩm).

Quá trình công tác :

- Từ 08/1999 – 03/2003 : Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
- Từ 01/2014 – 03/2015 : Đảng ủy viên, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng Công ty 1, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- Từ 07/2015 - 03/2017 : Bí Thư Đảng Ủy – Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- Từ 03/2017 - 04/2017 : Bí Thư Đảng Ủy – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- Từ 04/2017 - nay : Bí Thư Đảng Ủy – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 52.600 cổ phần, chiếm 0,203% vốn điều lệ.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 2.218.540 cổ phiếu, chiếm 8,56% vốn điều lệ.

Ông Hoàng Quốc Hưng – Kế toán trưởng

Ngày sinh : 28/10/1970

Địa chỉ thường trú : Số 65 đường Hòa Đông, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế (Tài chính – Ngân hàng), đã qua đào tạo nghiệp vụ kế toán trưởng.

Quá trình công tác :

- Từ 09/1996 - 03/2003 : Kế toán viên, phụ trách kế toán tại đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
- Từ 04/2003 - 12/2008 : Kế toán viên tại Văn Phòng Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
- Từ 01/2009 - 04/2019 : Phó Phòng Tài chính Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp (Nay là Công ty Cổ phần Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp).
- Từ 05/2019 - nay : Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Công ty.

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 31.900 cổ phiếu, chiếm 0,123% vốn điều lệ.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu.

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGD trong năm 2019:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Chí Thức	Kế toán trưởng		01/05/2019
2	Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	01/05/2019	

Số lượng cán bộ công nhân viên:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	697	100,00%
1	Trình độ trên đại học	17	2,44%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	245	35,15%
3	Trình độ trung cấp	74	10,62%
4	Công nhân kỹ thuật	75	10,76%
5	Lao động phổ thông	286	41,03%
II	Theo loại hợp đồng lao động	697	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	617	88,52%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	7	1,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	73	10,47%
III	Theo giới tính	697	100,00%
1	Nam	523	75,04%
2	Nữ	174	24,96%

Trong các năm qua, Công ty rất chú trọng công tác xây dựng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực của Công ty có trình độ đã qua đào tạo là tương đối khá, tuổi đời còn khá trẻ và với cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực hiện đảm bảo quản lý điều hành tốt các hoạt động của đơn vị hiện nay và trong những năm tiếp theo.

Chính sách nhân sự:

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

Chủ trương về chính sách phúc lợi của Công ty luôn rõ ràng và minh bạch. Tiền lương của người lao động trong Công ty được hưởng theo quy chế trả lương, thưởng trong nội bộ Công ty dựa trên trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Việc chi trả lương được xây dựng phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp, tính cạnh tranh, mức sống chung của khu vực và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tiền lương bình quân của người lao động trong Công ty qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.446.000	10.860.000	10.854.000	12.200.000

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Các quy định của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đều được Công ty áp dụng thực hiện tốt cho người lao động như: nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tết, chế độ thai sản, thăm nom khi gia đình có hữu sự,...

Chính sách tuyển dụng:

Để đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, quá trình tuyển dụng đóng vai trò tiên quyết, giúp Công ty có được nguồn nhân lực có chuyên môn phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong tương lai. Cán bộ công nhân viên được thi tuyển, lựa chọn đảm bảo hội đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất, đạo đức, khả năng làm việc nhóm tốt.



Chính sách đào tạo:

Xác định việc đào tạo là nguồn lực đầu tư và phát triển lâu dài, Công ty tích cực khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn thông qua các chương trình đào tạo. Công ty thường xuyên kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài; đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn.

STT	Nội dung	ĐVT	Đầu tư năm 2019
I ĐẦU TƯ CHO CẤP NƯỚC			
1	Tổng số dự án	Dự án	21
2	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	34.258
	- ODA	Triệu đồng	-
	- Ngân sách	Triệu đồng	616
	- Tự bổ sung	Triệu đồng	30.674
	- Vay	Triệu đồng	2.968
II ĐẦU TƯ CHO VỆ SINH MÔI TRƯỜNG			
1	Tổng số dự án	Dự án	2
2	Tổng vốn đầu tư	Triệu VNĐ	1.226
	- ODA	Triệu đồng	-
	- Ngân sách	Triệu đồng	-
	- Tự bổ sung	Triệu đồng	1.226
	- Vay	Triệu đồng	-

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% 2019/2018
1	Tổng giá trị tài sản	1.006.200	1.003.553	99,74%
2	Doanh thu thuần	287.158	320.498	111,61%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.450	28.281	120,60%
4	Lợi nhuận khác	335	(795)	(237,31)%
5	Lợi nhuận trước thuế	23.785	27.486	115,56%
6	Lợi nhuận sau thuế	21.406	24.539	114,64%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,16	0,17
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,11	0,12
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	71,64	70,51
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	252,57	239,08
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,06	7,47
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,30	0,32
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,45	7,66
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,55	8,44
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,27	2,44
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	8,17	8,82



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2019, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt là 0,17 lần và 0,12 lần. Công ty có tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn tương đối cao nên các chỉ số này nhìn chung khá thấp. Tài sản ngắn hạn của Công ty phần lớn là các khoản phải thu từ các khách hàng. Trong khi đó, nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ việc công ty phải chi trả cho các dự án mạng lưới cấp nước và dự án thoát nước thành phố Cao Lãnh do Công ty làm chủ đầu tư.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ hơn 31 tỷ đồng chủ yếu do lượng khách hàng mới tăng làm tăng chi phí lắp đặt đồng hồ, chi phí sửa chữa, cải tạo các trạm xử lý nước đồng thời các chi phí như điện, nguyên liệu xử lý nước, cũng tăng cao do điều chỉnh đơn giá. Chính điều đó đã làm cho vòng quay hàng tồn kho tăng từ 6,06 năm 2018 lên 7,47 năm 2019.

Tài sản của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này thường có giá trị rất lớn bởi để sản xuất và cung cấp nước sạch cho cộng đồng, Công ty cần có hệ thống xử lý nước, bể chứa, mạng lưới đường ống dẫn nước. Do đó, vòng quay tổng tài sản tương đối nhỏ.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/Tổng tài sản là 70,51% và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu là 239,08% trong năm 2019. Cả hai hệ số này đều cao do trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty, nợ phải trả chiếm tỷ trọng cao nhất. Nguyên nhân nợ của Công ty khá lớn là do Công ty có các khoản vay ODA để xây dựng cải tạo mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Cao Lãnh, đầu tư vào dự án hệ thống cấp nước Thị xã Hồng Ngự (với lãi suất vay ưu đãi 0,3%/năm, thời hạn vay 15 năm, thời hạn ân hạn là 2,5 năm) và các khoản vay trong nước để bổ sung vốn lưu động, mở rộng sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn đối với các dự án hệ thống cấp thoát nước cũng góp phần làm cho nợ phải trả của Công ty cao.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhờ vào công tác mở rộng sản xuất kinh doanh nên lượng khách hàng của Công ty tăng thêm 16.492, điều này đã giúp doanh thu thuần của Công ty tăng hơn 33 tỷ đồng tương ứng tăng 11,61% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra nhờ các chiến lược hiệu quả từ công tác quản lý chi phí của Công ty, lợi nhuận sau thuế tăng 114,64%. Sự gia tăng này đã góp phần làm cho các chỉ tiêu ROE, ROA đạt lần lượt là 8,44%, 2,44%; các chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần cũng tăng hơn năm trước, cụ thể đạt 7,66% và 8,22%.

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 25.918.130 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 25.918.130 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
 Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 26/03/2020)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ đông trong nước	586	25.918.130	259.181.300.000	100,00%
	Nhà nước	1	22.185.480	221.854.800.000	85,6%
	Tổ chức	1	1.000	10.000.000	0,0%
	Cá nhân	584	3.731.650	37.316.500.000	14,4%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
Tổng cộng		586	25.918.130	259.181.300.000	100,00%



Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Hoạt động trong ngành cấp thoát nước nên nguyên liệu chủ yếu của Công ty là các hóa chất dùng để xử lý nước như: Clor, PAC. Trong năm, các chi phí nguyên liệu xử lý nước này tăng do điều chỉnh đơn giá. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu công ty luôn tìm hiểu, khuyến khích người lao động có những sáng kiến nhằm sử dụng hiệu quả nguyên liệu đầu vào, sử dụng tỷ lệ hóa chất tối ưu nhằm tối đa hóa lợi ích của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư.

Tiêu thụ nước:

Nước đóng vai trò là nguyên liệu đầu vào đồng thời là sản phẩm đầu ra của Công ty. Nguồn nước được DOWASEN lấy chủ yếu từ sông và nguồn nước ngầm, sau quá trình xử lý lắng, lọc nước, diệt khuẩn,... nguồn nước thành phẩm được bơm đến người sử dụng thông qua hệ thống đường ống.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân. Do đó, DOWASEN luôn chú trọng đến chất lượng nước được sản xuất ra, thường xuyên tiến hành xét nghiệm mẫu nước và đảm bảo đạt được các tiêu chuẩn trong QCVN 02:2009/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

Tiêu thụ năng lượng:

Công ty tiêu thụ điện năng và nhiên liệu là dầu diesel để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Vì thế, Công ty luôn chú ý sử dụng năng lượng điều độ và hợp lý, góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia và giảm thiểu chi phí hoạt động.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Hàng năm, Công ty lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra, các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường. Trong năm 2019, Công ty hoàn toàn tuân thủ pháp luật và không bị xử phạt.

Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên của mình, tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Kết quả là thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao. Luôn duy trì thực hiện tốt công tác đoàn thể. Hàng tháng, công ty có sự kết hợp cùng Chính quyền, công đoàn bình xét thi đua, thăm hỏi nhân viên ốm đau.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng:

- Công ty còn đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng dân cư trong địa bàn thông qua các hoạt động từ thiện, tuyên truyền nhận thức.
- Trong năm, Công ty trao 02 “Mái ấm Công đoàn”, 01 “Mái ấm DOWASEN” từ nguồn quỹ vận động ủng hộ “Tháng vì người nghèo” cho 03 công nhân vệ sinh môi trường có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở; thăm và tặng quà cho 25 công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn “Tháng Công nhân 2019”; trợ cấp 41 suất quà tập sách đầu năm học cho con của người lao động có hoàn cảnh khó khăn.
- Công ty nói chung và cán bộ người lao động nói riêng cùng đồng lòng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai như lương thực và đóng góp vào quỹ tấm lòng vàng. Bên cạnh đó, tham gia các phong trào hiến máu, tình nguyện trên địa bàn.





03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất
kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% Thực hiện 2019/ Thực hiện 2018
Doanh thu thuần	287.158	320.498	111,61%
Lợi nhuận sau thuế	21.406	24.539	114,64%

DOWASEN ngày càng cải thiện chất lượng đường ống cấp nước, mở rộng địa bàn sản xuất kinh doanh ra vùng ven, vùng nông thôn để mang đến nước sạch cho tất cả các hộ dân trong tỉnh. Năm 2019, Công ty đã thực hiện trám lấp 10 giếng, đầu tư 8 nhà máy nước mặt nâng công suất lên 11.900m³/ngày đêm; mở rộng thêm 9km tuyến ống chuyển tải phục vụ nhà máy Tân Nghĩa, Bình Phú; cải tạo, nâng cấp một số tuyến ống, bổ sung lưu lượng và áp lực cho một số khu vực mới tiếp nhận tại Châu Thành và Tân Dương nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho người dân trong khu vực và các vùng lân cận. Song song đó, nhiều sản phẩm nước đóng chai mang thương hiệu DOWASEN được khách hàng biết đến rộng rãi. Ngoài ra, Công ty còn tiếp nhận 8.630 hộ tại khu vực thị xã Hồng Ngự và mở rộng các tuyến thu gom rác mới nâng số khách hàng tham gia dịch vụ này lên 56.590 hộ. Chính những điều đó, năm 2019 doanh thu thuần của Công ty đạt 320.498 triệu đồng. Bên cạnh đó, Công ty còn đẩy mạnh ứng dụng, triển khai các công nghệ thông tin trong việc chăm sóc, quản lý khách hàng; áp dụng hóa đơn điện tử và vận động người dân sử dụng phương thức thanh toán tiền nước, rác không dùng tiền mặt. Đồng thời việc kiểm soát các chi phí của Công ty khá tốt. Vì thế, trong năm Công ty đã ghi nhận lợi nhuận sau thuế tăng 14,46% so với năm 2018.

Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% 2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	94.712	9,41%	96.651	9,63%	102,05%
Tài sản dài hạn	911.488	90,59%	906.902	90,37%	99,50%
Tổng tài sản	1.006.200	100%	1.003.553	100%	99,74%

Trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm 90,37%. Do đặc thù của doanh nghiệp cấp nước, dịch vụ công ích nên tài sản cố định của công ty rất cao, phần lớn là hệ thống xử lý nước, các bể chứa và mạng lưới ống cung cấp nước. Bên cạnh đó, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các dự án cấp thoát nước, các trạm bơm nước ở các xã, thị trấn trong tỉnh cũng góp phần khiến cho tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn. Tuy nhiên, tài sản dài hạn năm 2019 giảm nhẹ so với năm 2018 chủ yếu đến từ việc tăng trích khấu hao các tài sản cố định.

Tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 2,05% so với năm trước, nguyên nhân là do các khoản phải thu của khách hàng Nước sinh hoạt, Ban Quản lý Công trình Công cộng thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc tăng nhẹ.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% 2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	585.767	81,27%	578.587	81,77%	98,77%
Nợ dài hạn	135.043	18,73%	129.005	18,23%	95,53%
Tổng nợ phải trả	720.810	100%	707.592	100%	98,17%

Năm 2019, nợ ngắn hạn của Công ty có phần giảm nhẹ 1,23% là do không còn các khoản phải trả ngắn hạn như chi phí đồng phục, khoản phải trả cho liên danh GECPL – SFC, dự án Hệ thống cấp nước Thường Thới Tiền. Bên cạnh đó, nợ dài hạn cũng giảm hơn 4% chủ yếu đến từ việc Công ty đã trả phần nào khoản nợ vay dài hạn, cụ thể vay và thuê tài chính dài hạn giảm hơn 31 tỷ đồng. Vì vậy, tổng nợ của công ty giảm gần 2% so với năm 2018. Tuy nhiên, bởi việc phải thực hiện nhiều dự án hệ thống cấp thoát nước nên nợ phải trả năm 2019 của Công ty vẫn là khá cao, hơn 707 tỷ đồng.

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

Kết hợp đào tạo và tuyển dụng lao động để hình thành một cơ cấu lao động tối ưu, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực sở trường của mỗi người, xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ. Thực hiện phương châm thu người “Vì việc chọn người chứ không phải vì người chọn việc” nhằm giảm bớt lượng lao động dư thừa không có năng lực, năng suất hiệu quả thấp.

Từng bước xây dựng hệ thống quản lý, chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, phong cách thân thiện, hiện đại, giải quyết thỏa đáng các yêu cầu và mong đợi của khách hàng, thực hiện chiến lược “Coi trọng khách hàng” để tồn tại và phát triển bền vững.



Tiếp tục triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành quản lý doanh nghiệp. Cụ thể:

- Thực hiện phần mềm DWeOffice quản lý Văn phòng điện tử và thực hiện công bố thông tin hoạt động của Công ty theo quy định trên website.
- Thực hiện chương trình tự động hóa cho các trạm, nhà máy, quản lý mạng lưới cấp nước, quản lý chăm sóc khách hàng của Công ty.
- Xây dựng từng bước một số phần mềm hỗ trợ cho các phòng ban trong quản lý, điều hành hoạt động đơn vị.
- Áp dụng phần mềm GIS trong quản lý tài sản và hệ thống cấp thoát nước Công ty tại một số nhà máy nước có điều kiện.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020
1	Sản lượng (m ³)	32.725.000
2	Tổng doanh thu thuần	305.000
	Nước sinh hoạt	250.000
	Vệ sinh môi trường	50.000
	Nước đóng chai	5.000
3	Tổng chi phí	277.550
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	27.500
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	24.750

Biện pháp thực hiện:

Hoạt động cấp nước:

- Xây dựng các dự án và tiếp nhận nước nông thôn, tranh thủ các ưu đãi đối với cấp nước vùng nông thôn để xin hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhằm mở rộng phạm vi cấp nước. Đàm phán tiếp nhận các trạm cấp nước nông thôn, cải tạo chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt để mở rộng vùng và góp phần thay đổi chất lượng phục vụ nước nông thôn trong tỉnh hiện nay.
- Định hướng xây dựng quy hoạch các vị trí cấp nước từ nguồn nước mặt, bổ sung nguồn cung cấp nước mặt kịp thời cho các trạm, nhà máy đang hoạt động vượt công suất, thay thế cho các trạm nước ngầm sẽ ngưng khai thác theo lộ trình của UBND Tỉnh.
- Bổ sung nhân sự cần thiết cho các chi nhánh, phòng, trạm theo nhu cầu thực tế như công nhân trực tiếp nhằm giúp chi nhánh hoàn thành nhiệm vụ năm 2020.
- Đẩy mạnh các hoạt động chủ động phòng, chống thất thu thất thoát, phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ nhân viên quản lý vùng, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát năm 2020 dưới 19,7%.
- Tiếp tục theo dõi ứng dụng chương trình GIS, triển khai cập nhật tọa độ hệ thống van, phụ tùng đường ống để quản lý tốt tài sản, là cơ sở để chạy thủy lực mạng lưới hiệu quả hơn.
- Tiếp tục cải tiến, nâng công suất hoạt động của các nhà máy, mạng lưới cấp nước với tiêu chí đầu tư hiệu quả và cung cấp nước tốt nhất cho khách hàng.
- Thường xuyên khảo sát, kiểm tra tình hình sản xuất và cung cấp nước sạch tại các chi nhánh cấp nước; xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng nước, giảm chi phí sản xuất, chú trọng công tác cấp nước an toàn, đảm bảo sản xuất ổn định, liên tục để đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng của người dân.

Dịch vụ môi trường:

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, kiến thức chuyên môn, tập huấn chuyên ngành, đáp ứng nhu cầu hoạt động của Chi nhánh trên ba lĩnh vực chính: vệ sinh môi trường, xây lắp và xử lý nước thải.
- Hàng năm, trang bị thêm từ một đến hai xe ép rác (thay thế các xe cũ để giảm bớt chi phí sửa chữa).
- Tập trung mở rộng dịch vụ thu gom rác, dịch vụ môi trường, phát triển khách hàng ra các địa phương khác trong tỉnh khi có điều kiện.
- Quản lý tốt công tác phát triển khách hàng và phát triển thêm các dịch vụ công ích, điều chỉnh giá kịp thời theo biến động về khối lượng rác khác nhằm tăng hiệu quả hoạt động, tăng doanh thu cho Công ty.
- Phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện công tác truyền thông về dự án thoát nước, về nước sạch, vệ sinh môi trường trong tỉnh.
- Xây dựng đề án phân loại rác tại nguồn cho trung tâm đô thị thành phố Cao Lãnh.

Kinh doanh nước đóng chai:

- Kiểm tra chặt chẽ quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm. Gửi mẫu sản phẩm đến Trung tâm Kỹ thuật thí nghiệm và Ứng dụng khoa học công nghệ kiểm tra định kỳ.
- Tổ chức các khóa đào tạo cho nhân viên như: kỹ năng giao tiếp khách hàng; đào tạo đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và an toàn thực phẩm.
- Tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho tất cả nhân viên theo Luật An toàn vệ sinh thực phẩm.
- Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng trong và ngoài tỉnh.
- Mở rộng phương án kinh doanh sản phẩm mới chai 500 ml, đa dạng các loại sản phẩm nước đóng chai.



Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
Về các mặt hoạt động của Công ty
Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Kế hoạch và định hướng

04

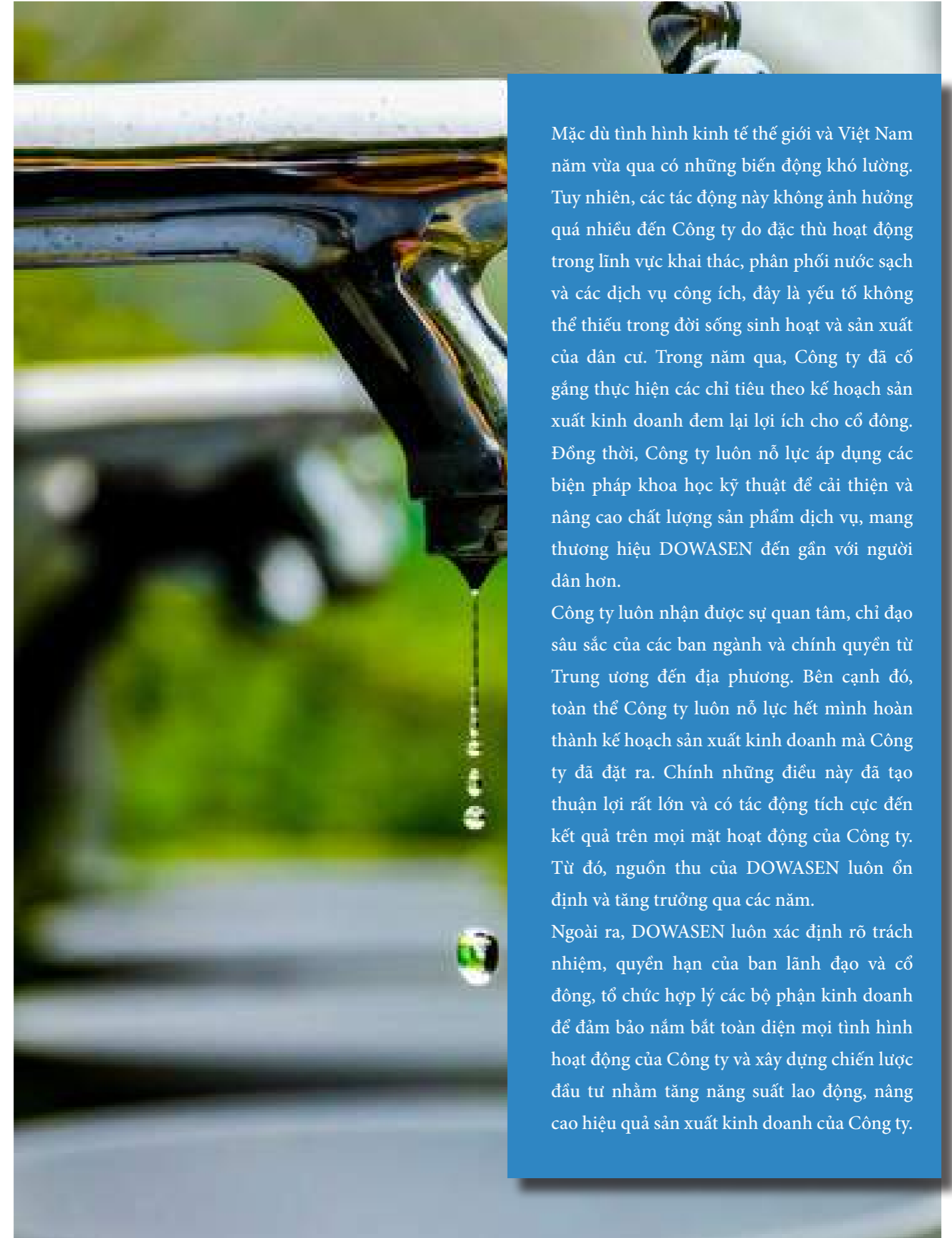
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thuận lợi:

- Được sự quan tâm, hỗ trợ, giám sát của UBND tỉnh Đồng Tháp, các Sở ban ngành tỉnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, UBND tỉnh thường xuyên hỗ trợ việc thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để Công ty đầu tư nguồn và mở rộng mạng lưới cấp nước.
- Được UBND tỉnh tiếp tục chỉ định việc tiếp nhận nhiều trạm nước tư nhân, nước nông thôn nhỏ lẻ, tạo điều kiện tốt cho công tác phát triển khách hàng và mở rộng địa bàn phục vụ của Công ty.
- Tổ chức thực hiện việc vận động người dân thay đổi hình thức thanh toán tiền nước, tiền rác không dùng tiền mặt; ứng dụng, cải tiến các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác quản lý sản xuất, đặc biệt trong vận hành sản xuất, nâng công suất các nhà máy cấp nước. Điều đó đã góp phần trong việc tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, tăng sản lượng cung cấp, mang lại hiệu quả to lớn cho Công ty.
- Hiện nay, nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ môi trường ngày càng tăng, nên số lượng người dân tham gia đăng ký sử dụng dịch vụ thu gom rác ngày càng cao.
- Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trên các sản phẩm, dịch vụ mang tính công ích và không nhiều các đối thủ cạnh tranh trên cùng địa bàn nên thị trường và khách hàng của Công ty tương đối ổn định, tăng trưởng đều hàng năm.

Khó khăn:

- Hiện tại, phần lớn các khu vực nội ô của các thị trấn, thị xã, thành phố đã được cung cấp nước. Do đó việc mở rộng địa bàn và phát triển khách hàng sử dụng nước và dịch vụ vệ sinh môi trường còn lại chủ yếu ở các vùng ven đô thị, vùng nông thôn nhưng vẫn còn nhiều bất cập và hạn chế trong việc đầu tư.
- Các dự án công trình nâng cấp đô thị, cải tạo hạ tầng giao thông đã làm ảnh hưởng đến mạng lưới cấp nước, nhiều nơi bị bể, vỡ. Ngoài ra, cùng với việc tăng áp nên công tác chống thất thoát gặp rất nhiều khó khăn và phức tạp. Mặc dù, Công ty đã tích cực cử nhân viên giám sát các công trình và dò tìm, khắc phục nhưng tỷ lệ thất thoát nhìn chung vẫn còn khá cao.
- Việc một số doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất tự khoan giếng ngầm đã làm giảm sút sản lượng tiêu thụ, ảnh hưởng tới nguồn nước ngầm dự trữ, gián tiếp ảnh hưởng tới nguồn nước của nhà máy, ảnh hưởng tới môi trường nước.
- Một số các phương tiện, máy móc thiết bị chuyên dụng cho hoạt động vệ sinh môi trường như: xe ép rác, xe ủi, ... sắp hết niên hạn sử dụng, thường xuyên hỏng hóc nên đôi lúc chưa đáp ứng đủ, kịp thời cho yêu cầu công việc, đồng thời cũng ảnh hưởng nhiều đến chất lượng cung cấp dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt của Công ty.



Mặc dù tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam năm vừa qua có những biến động khó lường. Tuy nhiên, các tác động này không ảnh hưởng quá nhiều đến Công ty do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác, phân phối nước sạch và các dịch vụ công ích, đây là yếu tố không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất của dân cư. Trong năm qua, Công ty đã cố gắng thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đem lại lợi ích cho cổ đông. Đồng thời, Công ty luôn nỗ lực áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật để cải thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, mang thương hiệu DOWASEN đến gần với người dân hơn.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sắc của các ban ngành và chính quyền từ Trung ương đến địa phương. Bên cạnh đó, toàn thể Công ty luôn nỗ lực hết mình hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Công ty đã đặt ra. Chính những điều này đã tạo thuận lợi rất lớn và có tác động tích cực đến kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty. Từ đó, nguồn thu của DOWASEN luôn ổn định và tăng trưởng qua các năm.

Ngoài ra, DOWASEN luôn xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của ban lãnh đạo và cổ đông, tổ chức hợp lý các bộ phận kinh doanh để đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty và xây dựng chiến lược đầu tư nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã theo sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và ghi nhận nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong công tác lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với định hướng của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của Công ty, Cổ đông, người lao động và nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc nắm rõ nguồn lực của Công ty và linh hoạt điều chỉnh kế hoạch, thích ứng với những biến động của thị trường.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với nhau và với các bộ phận khác trong công tác điều hành và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc cũng hỗ trợ kịp thời cho cán bộ công nhân viên, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, duy trì môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, thân thiện.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu thuần	triệu đồng	305.000
2	Tổng chi phí	triệu đồng	277.550
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	24.750
4	Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	triệu đồng	19.550
5	Thu nhập bình quân người lao động	triệu đồng	12,30
6	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,21
7	Tỷ lệ cổ tức/cổ phiếu	%	5

Công tác thực hiện:

Về nguồn nhân lực:

- Thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, đóng góp ý kiến, phát huy tính dân chủ, kích thích tinh thần nhằm làm cho người lao động được thỏa mãn trong môi trường làm việc.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của mỗi thành viên trong Công ty. Ban hành tiêu chuẩn chức danh, chế độ tiền lương, thưởng và chính sách nhân viên theo năng lực và hiệu quả công việc.
- Đánh giá thực trạng nhân lực trong Công ty, có kế hoạch bố trí, luân chuyển hợp lý giữa trình độ chuyên môn, tay nghề của từng người với yêu cầu chức danh công việc.
- Đào tạo, nâng cao trình độ về chuyên môn, quản lý, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật. Đối với đội ngũ cán bộ quản trị, cần phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức kinh doanh hiện đại tạo điều kiện cho các cán bộ này tham gia vào các khoá đào tạo bồi dưỡng học hỏi kinh nghiệm để làm chủ được các yếu tố bên ngoài của thị trường, ứng dụng hiệu quả các chức năng của thiết bị vào thực tế sản xuất, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.
- Thường xuyên đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức theo sự phát triển ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.



Về hệ thống thông tin quản lý:

- Công ty tiếp tục nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các phần mềm về quản lý chăm sóc khách hàng. Phân công nhân viên chuyên trách thực hiện công tác thu thập xử lý và phân bổ các thông tin từ thị trường, thông tin về khách hàng đến các tổ nghiệp vụ của Công ty.
- Phân loại khách hàng thành nhiều loại như: khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng, khách hàng chính sách, khách hàng đặc biệt.... Đồng thời, tùy theo đặc điểm của từng loại khách hàng Công ty sẽ có chính sách để thỏa mãn khách hàng tốt nhất và mục tiêu là hướng đến cung cấp dịch vụ hoàn hảo.
- Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt nhằm phát hiện các khách hàng sót, sử dụng trái phép và phát hiện rò rỉ; tiếp nhận các thông tin về cấp nước để kịp thời sửa chữa và thi công lắp đặt mới.
- Xây dựng lực lượng thu ghi chuyên nghiệp, năng động, lịch sự, nắm vững các kỹ năng nghiệp vụ theo yêu cầu công việc, vì đây là những người bán hàng trực tiếp cần được tuyển chọn và đào tạo thật tốt để có đủ trình độ và phẩm chất làm việc cho Công ty, vận động khách hàng ghi chỉ số trên Zalo Dowacare.



Về tài chính:

Để giải quyết vốn cho đầu tư phát triển, tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị hiện đại, đầu tư vào việc phát triển nguồn nhân lực, Công ty cần các giải pháp nhằm bổ sung vốn đầu tư:

- Huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thông qua các hình thức vay vốn, phát hành cổ phiếu.
- Liên doanh, liên kết với các Công ty khác nhằm tận dụng vốn, công nghệ, kiến thức quản trị của các Công ty này.
- Tận dụng tối đa và có hiệu quả các nguồn vốn tự có. Quản lý sử dụng vốn không để thất thoát, lãng phí; đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn lưu động để sử dụng vốn hiệu quả.

Về hoạt động Marketing:

- Đẩy mạnh công tác thông tin và truyền thông, phát triển chuyên mục hoạt động cộng đồng trên trang web của Công ty bằng nhiều hình thức ảnh, bài viết về hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, nước đóng chai của Công ty để chuyên mục này ngày càng có nội dung phong phú và hấp dẫn người xem.
- Tích cực phối hợp với các cơ quan thông tin báo, đài, các ngành chức năng xây dựng các chuyên mục, phóng sự, bài viết giới thiệu về hoạt động của Công ty.
- Liên kết với các trường học trong tỉnh tổ chức các buổi ngoại khóa, tham quan, thực tập tại các nhà máy sản xuất nước sạch của Công ty để giới thiệu về quy trình sản xuất và chất lượng nước.
- Phối hợp tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, thi tiểu phẩm, thi vẽ tranh, thi đố vui,... về nước sạch và vệ sinh môi trường, thông qua đó vừa giới thiệu hình ảnh của Công ty, đồng thời kêu gọi mọi người cùng tham gia giữ gìn, bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước và bảo vệ môi trường.
- Bồi dưỡng kiến thức Marketing cho bộ phận kinh doanh và dịch vụ khách hàng, xây dựng đội ngũ nghiên cứu thị trường.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Danh sách thành viên và các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Phan Đình Hùng	Chủ tịch	12/12	100%	
2	Nguyễn Văn Để	Thành viên	12/12	100%	
3	Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên	12/12	100%	
4	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	12/12	100%	

Lý lịch Hội đồng quản trị
Ông Phan Đình Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh	: 17/04/1961
Địa chỉ thường trú	: số 146, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Ngoại thương, Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ sư Địa chất Công trình và thủy văn, Thạc sĩ Kinh tế học.
Quá trình công tác	: - Từ 06/1986 – 03/1990 : Trưởng phòng khảo sát Xí nghiệp Khảo sát thiết kế tổng hợp – Sở Xây dựng Đồng Tháp. - Từ 05/1994 – 11/1995 : Trưởng phòng tư vấn Công ty Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Đồng Tháp. - Từ 09/1996 – 09/1998 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cấp nước Đồng Tháp. - Từ 07/2012 – 07/2013 : Phó Tổng giám đốc Công ty, Bí thư Chi bộ, Kiểm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. - Từ 07/2013 – 03/2017 : Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. - Từ 03/2017 - nay : Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	: 105.600 cổ phiếu, chiếm 0,41% vốn điều lệ.
Số cổ phần đại diện sở hữu	: 11.314.600 cổ phiếu, chiếm 43,66% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Văn Để: xem lý lịch Ban điều hành.

Ông Nguyễn Thượng Vũ: xem lý lịch Ban điều hành.

Ông Nguyễn Anh Dũng: xem lý lịch Ban điều hành.

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			Phê chuẩn các nội dung sau: - Chương trình kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2019. - Chủ trương sắp xếp, tổ chức lại Chi nhánh Xây lắp & Vật tư và Chi nhánh Tư vấn Xây dựng & Cấp thoát nước trực thuộc Công ty. - Điều động nhân sự quản lý Chi nhánh Tư vấn Xây dựng & Cấp thoát nước. - Ban hành Quy chế lương cho người lao động và người quản lý Công ty. - Chủ trương xác định Quỹ lương năm 2018 - 2019, Phương án khoán lương các chi nhánh và bộ phận phòng ban Công ty năm 2019. - Chủ trương thực hiện công tác rà soát, bổ sung Danh sách cán bộ quản lý giai đoạn 2017-2022, 2022-2027 năm 2019. - Chủ trương lựa chọn và bổ nhiệm nhân sự Phó Phòng Tài chính Công ty. - Chủ trương về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2019. - Kế hoạch và lộ trình dự kiến thực hiện Công tác thoái vốn nhà nước năm 2019. - Kế hoạch kiểm toán và báo cáo thời gian phát hành báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2018. - Kế hoạch tổ chức và nội dung chương trình dự kiến tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. - Lựa chọn Công ty chứng khoán hướng dẫn giao dịch mua bán cổ phiếu Công ty và thủ tục lưu ký chứng khoán cho cổ đông, nhà đầu tư là người lao động trong Công ty.
1	27/NQ-HĐQT	21/2/2019	
			Phê chuẩn các nội dung sau: - Danh sách nhân sự quy hoạch các chức danh Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty giai đoạn 2017-2022, 2022-2027 (rà soát, bổ sung năm 2019). - Điều động, bổ nhiệm bà Lý Thu Cúc, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Nghiệp vụ tổng hợp Chi nhánh Cấp nước Đông Bắc Sông Tiền, giữ chức vụ Phó Phòng Tài chính Công ty. - Chủ trương mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.
2	28/NQ-HĐQT	11/3/2019	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
3	29/NQ-HĐQT	19/3/2019	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương về việc vay vốn ODA Hà Lan để thực hiện Dự án đầu tư Hệ thống cấp nước sông Tiền (DRIVE). - Lộ trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
4	30/NQ-HĐQT	03/5/2019	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Khu vực Dịch vụ môi trường Thị xã Hồng Ngự và bổ nhiệm nhân sự quản lý khu vực. - Kế hoạch điều chuyển, bố trí, nhân sự theo đề nghị bổ sung nhân sự của Chi nhánh Dịch vụ Môi trường. - Bổ nhiệm ông Hoàng Quốc Hưng, Phó Phòng Tài chính Công ty giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Công ty thay cho ông Phạm Chí Thức đã về hưu. - Cử bà Lý Thu Cúc, Phó Phòng Tài chính Công ty làm người được ủy quyền công bố thông tin. - Ban hành Quy chế Công bố thông tin.
5	31/NQ-HĐQT	28/5/2019	<p>Phê chuẩn chủ trương vay vốn Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Tháp bằng hình thức thế chấp và sử dụng vốn đầu tư phát triển sản xuất của Công ty để đầu tư các dự án cấp nước trong năm 2019.</p>
6	32/NQ-HĐQT	14/6/2019	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019. - Ngày giờ, địa điểm tổ chức, chương trình và các báo cáo, tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
7	33/NQ-HĐQT	27/6/2019	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai phương án sắp xếp lại Chi nhánh Xây lắp & Vật tư và Chi nhánh Tư vấn Xây dựng & Cấp thoát nước đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. - Lựa chọn thời điểm và triển khai công tác chi trả cổ tức năm 2018.
8	34/NQ-HĐQT	19/7/2019	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai phương án sắp xếp cơ cấu tổ chức, nhân sự của Chi nhánh Xây lắp & Vật tư. - Kế hoạch bổ nhiệm, điều động nhân sự theo yêu cầu công việc của các đơn vị trực thuộc. - Xét nâng lương trước hạn đối với Ông Nguyễn Văn Để, Tổng Giám đốc Công ty. - Chủ trương mua lại và tiếp nhận có bồi hoàn các chi phí đầu tư trước đó của các cơ sở cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
9	35/NQ-HĐQT	27/9/2019	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương xây dựng phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty. - Chủ trương xây dựng chiến lược hoạt động kinh doanh và đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng năm 2030 và chủ trương xây dựng Kế hoạch Sản xuất kinh doanh, Kế hoạch Nhân sự năm 2020. - Nội dung kế hoạch xử lý tài chính đối với phần tài sản của Công ty TNHH Nước Đồng Bình. - Giải quyết vướng mắc trong việc quản lý, sử dụng và xử lý một số tài sản của dự án được đầu tư bằng vốn viện trợ ODA và một phần của ngân sách nhà nước. - Chủ trương vay vốn để mua lại, cải tạo, sửa chữa và đầu tư mới các trạm cấp nước nông thôn. - Chủ trương rà soát việc quản lý, sử dụng đất của Công ty. - Công tác tổ chức, nhân sự quản lý tại Chi nhánh Dịch vụ Môi trường. - Chủ trương điều động, luân chuyển, bố trí nhân sự ở một số vị trí quản lý lâu năm. - Chủ trương xây dựng kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty.
10	36/NQ-HĐQT	23/10/2019	<p>Thống nhất chủ trương nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt tại khu vực xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành.</p>
11	37/NQ-HĐQT	05/11/2019	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình nguồn và tuyến ống cấp nước năm 2019. - Kế hoạch tổ chức Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty và các nội dung có liên quan. - Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quy chế Phân phối tiền lương, tiền thưởng cho người lao động Công ty. - Kế hoạch sắp xếp, bố trí và bổ nhiệm nhân sự của Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền. - Chủ trương tiếp nhận, điều động, bố trí nhân sự của Công ty TNHH Nước Đồng Bình sau khi có quyết định giải thể. - Vay vốn, bảo lãnh theo hình thức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.
12	38/NQ-HĐQT	26/12/2019	<p>Thống nhất nội dung và thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành để đầu tư Nhà máy nước mặt, nhằm triển khai kế hoạch phát triển khách hàng ra vùng nông thôn, vùng ven xa trung tâm đô thị.</p>

Danh sách thành viên và các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban kiểm soát	07/07	100%	
2	Phạm Thị Kim Dung	Kiểm soát viên	07/07	100%	
3	Nguyễn Thanh Hồng	Kiểm soát viên	07/07	100%	

Lý lịch Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trưởng ban kiểm soát

Ngày sinh : 20/02/1968

Địa chỉ thường trú : số 94, đường Bà Triệu, phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp.

Quá trình công tác :

- Từ 12/1991 – 10/1990 : Nhân viên kế toán Công ty Vận tải biển Đồng Tháp.
- Từ 10/1996 – 03/2003 : Nhân viên kế toán Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
- Từ 03/2003 – 9/2006 : Phó phòng Tài vụ Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
- Từ 09/2006 - 03/2017 : Kiểm soát viên phụ trách Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
- Từ 03/2017 đến nay : Trưởng Ban Kiểm Soát, Công Ty Cổ phần Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 32.400 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu.

Bà Phạm Thị Kim Dung – Kiểm soát viên

Ngày sinh : 20/07/1966

Địa chỉ thường trú : số 452/14 tổ 10, ấp xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Kế toán, Giấy chứng nhận Kế toán trưởng, Giấy chứng nhận Kiểm soát viên chuyên nghiệp.

Quá trình công tác :

- Từ 11/1991 – 12/1992 : Kế toán trưởng Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
- Từ 04/2003 – 10/2006 : Kế toán trưởng Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư trực thuộc Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
- Từ 09/2012 – 03/2017 : Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.
- Từ 03/2017 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát, CTCP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 22.800 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu.

Ông Nguyễn Thanh Hồng – Kiểm soát viên

Ngày sinh : 02/01/1982

Địa chỉ thường trú : số 156, Võ Văn Trĩ, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.

Quá trình công tác :

- Từ 2011 - 03/2018 : Nhân viên phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
- Từ 04/2018 - 06/2018 : Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh CTCP Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
- Từ 06/2018 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát, CTCP Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp, Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh CTCP Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 700 cổ phiếu, chiếm 0,003% vốn điều lệ.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã tiến hành công tác giám sát cụ thể như sau:

- Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp sơ kết tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nhờ đó nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, tham gia ý kiến trong công tác lãnh đạo điều hành hoạt động của Công ty nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.
- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty, đánh giá sự tuân thủ pháp luật đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2019
- Phối hợp trực tiếp với bộ phận tài chính kế toán trong việc rà soát các quy định pháp lý phục vụ cho việc ghi chép, lập các báo cáo tài chính một cách thận trọng và tuân thủ các quy định hiện hành. Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019.
- Nhìn chung hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2019 được tiến hành một cách cẩn trọng đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

ĐVT: đồng/năm

STT	Họ và tên	Thù lao + Phụ cấp	Thưởng
1	Hội đồng quản trị		
	Phan Đình Hùng	75.600.400	166.453.040
	Nguyễn Văn Để	29.527.800	154.259.421
	Nguyễn Thượng Vũ	27.555.200	144.373.861
	Nguyễn Anh Dũng	80.720.000	144.773.861
2	Ban Kiểm soát		
	Nguyễn Thị Thu Trang	4.100.000	138.968.388
	Phạm Thị Kim Dung	26.358.800	138.260.328
	Nguyễn Thanh Hồng	55.900.000	15.046.121
3	Ban điều hành		
	Nguyễn Văn Để	29.527.800	154.259.421
	Nguyễn Thượng Vũ	27.555.200	144.373.861
	Nguyễn Anh Dũng	80.720.000	144.773.861
	Hoàng Quốc Hưng	77.109.300	31.104.397

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số lượng CP trước giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	0 cổ phiếu	Mua 700 cổ phiếu	700 cổ phiếu (tỷ lệ 0,003%)	10/10/2019





06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Ý kiến của kiểm toán
Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, từ trang 7 đến trang 44 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 09/07/2019.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng, chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; dịch vụ đô thị; Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, đóng bình...

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đê	Thành viên
Ông Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban
Bà Phạm Thị Kim Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đê	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/04/2019 là Ông Phạm Chí Thúc, trong giai đoạn từ ngày 01/05/2019 đến ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Hoàng Quốc Hưng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Đê.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/09/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Văn Đê
Tổng Giám đốc

Tp. Cao Lãnh, ngày 10 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2020, từ trang 7 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 37.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Căn cứ Biên bản kiểm toán dự án Hệ thống thoát nước Thành phố Cao Lãnh của Kiểm toán Nhà nước ngày 15/08/2019, Kiểm toán Nhà nước đã kiến nghị xử lý tài chính 91.038.459.722 đồng, trong đó: giá trị thu hồi nộp ngân sách Nhà nước là 1.190.734.090 đồng đã được Công ty điều chỉnh giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang, giá trị xử lý tài chính khác là 89.847.725.632 đồng chưa điều chỉnh. Công ty đã bổ sung hồ sơ giải trình với đoàn Kiểm toán, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp cũng đã gửi văn bản xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư. Tháng 02/2020, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch Đầu tư đã ban hành các văn bản đề nghị UBND Tỉnh Đồng Tháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo về phương án xử lý. Dự án này được UBND tỉnh giao Công ty làm chủ đầu tư, theo quy định tại Nghị định 80/2014/NĐ-CP, dự án sẽ được quyết toán bàn giao chính thức toàn bộ về cho Nhà nước sau khi hoàn thành. Đến ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ để đưa ra các điều chỉnh liên quan đến kiến nghị xử lý tài chính khác với giá trị 89.847.725.632 đồng theo Biên bản kiểm toán nêu trên.

Như được nêu tại mục 37.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Tại ngày 31/12/2019, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 12.611.003.239 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Các vấn đề cần nhấn mạnh không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2020

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1828-2018-112-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.651.643.384	94.711.585.764
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	29.356.100.385	39.847.006.950
Tiền	111		20.856.100.385	35.347.006.950
Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	4.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.554.983.595	24.849.043.298
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	24.114.099.315	20.354.302.377
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.550.674.823	334.771.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.315.343.889	5.487.038.370
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(1.425.134.432)	(1.328.822.242)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.753.793
Hàng tồn kho	140	9	29.714.654.228	29.952.457.210
Hàng tồn kho	141		29.714.654.228	29.952.457.210
Tài sản ngắn hạn khác	150		25.905.176	63.078.306
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	25.905.176	63.078.306
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		906.901.814.636	911.488.494.798
Tài sản cố định	220		379.390.835.634	413.746.705.476
Tài sản cố định hữu hình	221	10	378.990.835.634	413.346.705.476
- Nguyên giá	222		658.646.148.856	645.431.882.343
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(279.655.313.222)	(232.085.176.867)
Tài sản cố định vô hình	227	11	400.000.000	400.000.000
- Nguyên giá	228		1.076.031.636	1.076.031.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(676.031.636)	(676.031.636)
Tài sản dở dang dài hạn	240		514.810.594.067	485.071.214.651
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	514.810.594.067	485.071.214.651
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	84.040.000	2.084.067.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	2.000.027.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		84.040.000	84.040.000
Tài sản dài hạn khác	260		12.616.344.935	10.586.507.671
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	12.616.344.935	10.586.507.671
TỔNG TÀI SẢN	270		1.003.553.458.020	1.006.200.080.562

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		707.592.454.562	720.810.113.177
Nợ ngắn hạn	310		578.587.445.201	585.767.174.096
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	10.319.665.785	13.405.100.528
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	1.194.697.656	1.965.789.151
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	5.616.282.841	4.202.079.441
Phải trả người lao động	314		22.164.307.730	22.893.709.448
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.390.933.029	1.805.531.921
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	486.520.942.960	503.980.563.081
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	46.291.277.255	32.886.205.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		89.337.945	4.628.195.526
Nợ dài hạn	330		129.005.009.361	135.042.939.081
Phải trả dài hạn khác	337	18	24.241.339.823	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	103.163.498.000	134.449.756.487
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		1.600.171.538	593.182.594
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		295.961.003.458	285.389.967.385
Vốn chủ sở hữu	410	21	295.931.838.449	285.306.477.961
Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.181.300.000	259.181.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.181.300.000	259.181.300.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.211.062.365	4.718.846.275
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.539.476.084	21.406.331.686
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		24.539.476.084	21.406.331.686
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		29.165.009	83.489.424
Nguồn kinh phí	431	22	29.165.009	83.489.424
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.003.553.458.020	1.006.200.080.562

Tp. Cao Lãnh, ngày 10 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Đễ

Lý Thu Cúc

Hoàng Quốc Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	320.741.483.333	287.157.665.490
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	243.774.545	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		320.497.708.788	287.157.665.490
Giá vốn hàng bán	11	25	222.854.502.091	191.479.856.704
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97.643.206.697	95.677.808.786
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	563.160.682	148.951.694
Chi phí tài chính	22	27	4.340.859.999	5.014.633.825
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.340.859.999</i>	<i>5.014.633.825</i>
Chi phí bán hàng	25	28	29.855.639.319	40.042.165.207
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	35.728.919.010	27.319.745.023
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.280.949.051	23.450.216.425
Thu nhập khác	31	29	218.424.639	446.402.763
Chi phí khác	32	30	1.013.113.209	111.565.812
Lợi nhuận khác	40		(794.688.570)	334.836.951
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.486.260.481	23.785.053.376
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.946.784.397	2.378.721.690
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		24.539.476.084	21.406.331.686
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	947	689
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	947	689

Tp. Cao Lãnh, ngày 10 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Đễ

Lý Thu Cúc

Hoàng Quốc Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		27.486.260.481	23.785.053.376
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		50.719.116.213	49.932.070.624
Các khoản dự phòng	03		96.312.190	582.761.288
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		272.701.283	(148.951.694)
Chi phí lãi vay	06		4.340.859.999	5.014.633.825
Các khoản điều chỉnh khác	07		1.481.266.000	-
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		84.396.516.166	79.165.567.419
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(12.763.594.426)	1.000.273.266
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		237.802.982	3.308.409.924
Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.697.417.554	204.907.259.354
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(2.029.837.264)	(543.314.034)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.344.665.696)	(5.226.299.267)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.445.000.000)	(2.110.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.614.322.648)	(142.554.940.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.134.316.668	137.946.956.109
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(47.063.240.464)	(134.117.387.345)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		127.272.727	-
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		2.000.027.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		559.155.736	137.850.849
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.376.785.001)	(138.479.536.496)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		20.922.618.768	15.890.819.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.803.805.000)	(30.453.300.038)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.367.252.000)	(5.689.208.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		(28.248.438.232)	(20.251.689.038)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.490.906.565)	(20.784.269.425)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	39.847.006.950	60.631.276.375
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	29.356.100.385	39.847.006.950

Tp. Cao Lãnh, ngày 10 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng



Hoàng Quốc Hưng

Tổng Giám đốc

 Nguyễn Văn Đễ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch, thu gom rác thải và các dịch vụ môi trường, tư vấn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ địa táng, hỏa táng và các dịch vụ kèm theo có liên quan;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Vệ sinh chung nhà cửa. Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường; lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình; Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu, đường;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)

- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Chi tiết: Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (thoát nước);
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công cộng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, vỉa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt. Chi tiết: Dịch vụ rút hầm cầu;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm. Chi tiết: Vườn ươm cây;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng, vận chuyển phế liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.

1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, đơn giá thu gom rác thải, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có Công ty con là Công ty TNHH Nước Đông Bình. Từ 0h ngày 01/11/2019, Công ty TNHH Nước Đông Bình đã giải thể do Nhà nước xác lập Quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản của Công ty này.

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền	Số 207b, Trần Hưng Đạo, Phường 1, Tp. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Bắc Sông Tiền	Số 01, Nguyễn Huệ, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền	Quốc lộ 30, Phường An Lộc, Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	Số 15/4, Quốc lộ 30, P. Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Nước Đóng chai Dowasen	Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Xây lắp và Vật tư	Số 01, Nguyễn Huệ, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp (<i>đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01/07/2019 theo Quyết định số 115/QĐ-CN&MTĐT ngày 27/06/2019 của HĐQT</i>).
Chi nhánh Tư vấn xây dựng và Cấp thoát nước	Số 01 Nguyễn Huệ, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp (<i>đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01/07/2019 theo Quyết định số 114/QĐ-CN&MTĐT ngày 27/06/2019 của HĐQT</i>).

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại mục 38 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán. Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

4.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng một số ưu đãi thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động theo Công văn 2506/CT-TTHT ngày 26/10/2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.
- Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực kinh doanh thông thường, lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác được áp dụng với mức thuế suất thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai, hoạt động xây lắp, bán vật tư, dịch vụ thu gom vận chuyển rác và các dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là Cty TNHH Nước Đông Bình, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	945.287.881	1.590.974.416
Tiền gửi ngân hàng	19.910.812.504	33.756.032.534
Các khoản tương đương tiền (*)	8.500.000.000	4.500.000.000
Cộng	29.356.100.385	39.847.006.950

(*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2019 đã được cầm cố để đảm bảo cho hợp đồng vay tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố số 419/2019/HĐBĐ/NHCT/DOWASEN ngày 10/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	24.114.099.315	(1.425.134.432)	20.354.302.377	(1.328.822.242)
- Phải thu của khách hàng Nước sinh hoạt	5.873.894.387	(551.583.413)	5.034.911.059	(455.271.223)
- Ban quản lý Công trình nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực chợ cá Cao Lãnh	116.487.000	-	682.722.000	-
- Ban Quản lý Công trình Công cộng Huyện Cao Lãnh	-	-	755.322.000	-
- Ban Quản lý Chợ Thành phố Cao Lãnh	1.466.547.000	-	2.114.552.000	-
- Ban Quản lý Công trình Công cộng Thành phố Cao Lãnh	4.481.836.000	-	3.547.240.000	-
- Ban Quản lý Công trình Đô thị Thành phố Sa Đéc	3.429.364.000	-	2.595.099.675	-
- Phòng Kinh tế và hạ tầng Huyện Cao Lãnh	948.408.000	-	-	-
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	7.797.562.928	(873.551.019)	5.624.455.643	(873.551.019)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-	-	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.550.674.823	-	334.771.000	-
- Huỳnh Phát Nguyễn	1.310.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phần mềm Việt Long	-	-	216.000.000	-
- Công ty TNHH Minh Lợi	1.000.000.000	-	-	-
- Cơ sở hàn tiện cắt sắt Tiền Giang	423.000.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	817.674.823	-	118.771.000	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	11.315.343.889	-	5.487.038.370	-
- Tạm ứng	8.165.121.734	-	3.774.951.014	-
- Phải thu thuế TNCN	1.000.924.597	-	1.383.957.416	-
- Phải thu lãi dự thu	12.575.342	-	11.090.411	-
- Phải thu Bảo hiểm thất nghiệp	443.551.784	-	201.915.758	-
- Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	907.169.220	-	108.247.254	-
- Phải thu Liên danh GECPL - SFC Việt Nam	757.025.090	-	-	-
- Phải thu khác	28.976.122	-	6.876.517	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	11.315.343.889	-	5.487.038.370	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.706.646.534	-	22.163.434.677	-
Công cụ dụng cụ	336.564.767	-	638.289.935	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.460.651.855	-	6.930.189.684	-
Thành phẩm	142.547.139	-	169.762.003	-
Hàng hoá	68.243.933	-	50.780.911	-
Cộng	29.714.654.228	-	29.952.457.210	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị vận tải, truyền dẫn		Phương tiện dụng cụ quản lý		Thiết bị Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ								
Tại 01/01/2019	327.467.851.516	47.989.596.619	268.895.047.213	1.079.386.995	645.431.882.343			
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.921.912.397	319.139.739	6.185.799.578	-	13.426.851.714			
- Mua trong kỳ	-	3.013.089.032	466.030.302	417.890.000	3.897.009.334			
- Phân loại lại	41.700.000		(41.700.000)					
- Thanh lý TSCĐ	(592.472.504)	(124.572.974)	(3.392.549.057)	-	(4.109.594.535)			
Tại 31/12/2019	333.797.291.409	51.238.952.416	272.154.328.036	1.455.576.995	658.646.148.856			
HAO MÒN LŨY KẾ								
Tại 01/01/2019	(88.113.485.025)	(23.107.862.786)	(120.208.651.753)	(655.177.303)	(232.085.176.867)			
- Khấu hao trong năm	(28.110.314.979)	(3.554.750.053)	(18.939.930.450)	(114.120.731)	(50.719.116.213)			
- Thanh lý TSCĐ	134.268.626	124.572.974	2.890.138.258	-	3.148.979.858			
Tại 31/12/2019	(116.089.531.378)	(26.538.039.865)	(136.258.443.945)	(769.298.034)	(279.655.313.222)			
GIÁ TRỊ CÒN LẠI								
Tại 01/01/2019	239.354.366.491	24.881.733.833	148.686.395.460	424.209.692	413.346.705.476			
Tại 31/12/2019	217.707.760.031	24.700.912.551	135.895.884.091	686.278.961	378.990.835.634			

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 19.516.581.581 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy vi tính		TSCĐ vô hình khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ								
Tại 01/01/2019	400.000.000	312.088.000	363.943.636	1.076.031.636				
Tại 31/12/2019	400.000.000	312.088.000	363.943.636	1.076.031.636				
GIÁ TRỊ HAO MÒN								
Tại 01/01/2019	-	(312.088.000)	(363.943.636)	(676.031.636)				
Tại 31/12/2019	-	(312.088.000)	(363.943.636)	(676.031.636)				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI								
Tại 01/01/2019	400.000.000	-	-	400.000.000				
Tại 31/12/2019	400.000.000	-	-	400.000.000				

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 676.031.636 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

- Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh (*)
- Hệ thống cấp nước xã Thường Thới Tiền - Công suất 3000m³/ngày đêm (*)
- CT NMN Huyện Tháp Mười (Trạm CN ngầm TT.Mỹ An Tháp Mười)
- Đường nội bộ vào nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và nguy hại, hạng mục: Nền, mặt đường, điện, chiếu sáng, ĐĐ: xã Mỹ Thọ, HCL.ĐT (*)
- Cải tạo trạm cấp nước Tân Long-Tân Tịch, P6, TPCL,ĐT-CS:2.500m³/ngđ
- Trạm cấp nước Doanh nghiệp tư nhân Tiến Dũng-xã Tân Nhuận Đông-H.Châu Thành
- Trạm cấp nước KCN Trần Quốc Toản-HM: Bể chứa nước sạch, cầu lấy nước, mạng lưới đường ống
- NMN mặt xã Tân Nghĩa -Huyện Cao Lãnh
- Cải tạo nâng es - NMNM Bình Thành, H.Lấp Vò. HM: Bể chứa nước sạch
- Trạm Cấp nước Bình Phú-H.Tân Hồng.CS:2.500m³/ngđ
- Trạm cấp nước Thanh Bình-HM: Bể chứa nước sạch. H.Thanh Bình
- NMN Huyện Tháp Mười (Trạm CN ngầm TT.Mỹ An Tháp Mười)
- Các công trình khác

Cộng

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
	448.537.806.464	450.785.659.878
	22.959.855.408	22.344.123.908
	3.097.768.332	2.589.765.305
	1.862.406.000	1.757.471.000
	2.456.833.683	-
	4.633.728.000	4.633.728.000
	1.720.645.692	-
	2.395.545.356	-
	3.153.617.549	-
	4.503.272.694	-
	1.819.226.200	-
	3.097.768.332	-
	14.572.120.357	2.960.466.560
	<u>514.810.594.067</u>	<u>485.071.214.651</u>

(*) Các công trình trên được xây dựng trên hai nguồn vốn bao gồm nguồn vốn Ngân sách nhà nước và nguồn vốn ODA do Ngân hàng Tái Thiết Đức (KfW). Sau khi các công trình hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện bàn giao lại tài sản cho đơn vị tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp.

Riêng dự án Thoát nước và Xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh: Căn cứ Biên bản kiểm toán dự án Hệ thống thoát nước Thành phố Cao Lãnh của Kiểm toán Nhà nước ngày 15/08/2019, giá trị thu hồi nộp ngân sách Nhà nước là 1.190.734.090 đồng đã được Công ty điều chỉnh giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang: gồm giá trị gói thầu số 7 là 757.025.090 đồng, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán là 433.709.000 đồng (xem thêm tại mục số 33.6 của Thuyết minh Báo cáo tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	84.040.000	-	84.040.000	2.084.067.000
* Đầu tư vào công ty con	-	-	-	2.000.027.000
- Công ty TNHH Nước Đồng Bình (*)	-	-	-	2.000.027.000
* Đầu tư vào đơn vị khác	84.040.000	-	84.040.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường (**)	84.040.000	-	84.040.000	-

(*) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH Nước Đồng Bình với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 100%. Từ 0h ngày 01/11/2019, Công ty TNHH Nước Đồng Bình đã chính thức giải thể do Nhà nước xác lập quyền sở hữu toàn dân. Giá trị thu hồi khoản đầu tư 2.000.027.000 đồng được cân trừ vào khoản mà Công ty phải hoàn trả Nhà nước cho Dự án Hệ thống cấp nước thị xã Sa Đéc và Dự án Hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự.

(**) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 1,25%.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	12.616.344.935	10.586.507.671
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	7.455.155.074	6.954.080.471
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.429.716.360	1.121.339.847
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	186.502.811	175.035.645
- Chi phí thuê quyền sử dụng đất	3.270.035.863	1.613.677.906
- Chi phí trả trước dài hạn khác	274.934.827	722.373.802
Cộng	<u>12.616.344.935</u>	<u>10.586.507.671</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	10.319.665.785	10.319.665.785	13.405.100.528	13.405.100.528
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Minh Nghi	532.564.604	532.564.604	1.158.719.953	1.158.719.953
- Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	955.240.000	955.240.000	-	-
- Công ty TNHH Nước Đông Bình	-	-	1.027.942.592	1.027.942.592
- Công ty Cổ phần Nước Lành	-	-	922.753.000	922.753.000
- Liên danh GECPL - SFC Việt Nam	-	-	2.802.611.000	2.802.611.000
- Công ty Cổ phần SAMECO	-	-	830.641.900	830.641.900
- Công Ty Xăng Dầu Đồng Tháp (TNHH MTV)	878.277.515	878.277.515	-	-
- Vưu Công Minh	672.609.000	672.609.000	-	-
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	7.280.974.666	7.280.974.666	6.662.432.083	6.662.432.083
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	1.027.942.592	1.027.942.592
- Công ty TNHH Nước Đông Bình	-	-	1.027.942.592	1.027.942.592

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong năm VND
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.194.697.656	1.965.789.151	1.965.789.151	1.965.789.151
- Ban Quản lý Dự án và Phát triển Quỹ Đất Thành phố Cao Lãnh	-	-	464.415.000	464.415.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuân Khiêm	-	-	163.000.000	163.000.000
- Công trình Cụm Dân cư Ấp An Phú xã An Long - Tam Nông	-	-	500.000.000	500.000.000
- Trường Tiểu học Phường 4, Thành phố Cao Lãnh	186.000.000	186.000.000	186.000.000	186.000.000
- Công ty TNHH Nước Đông Bình	-	-	111.170.000	111.170.000
- C/trình trồng cây xanh thăm dò trụ sở Công ty TNHH MTV xố số kiến thiết Đồng Tháp	372.789.000	372.789.000	-	-
- Cty CP Tập Đoàn FLC	331.160.049	331.160.049	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	304.748.607	304.748.607	541.204.151	541.204.151
Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	111.170.000	111.170.000
- Công ty TNHH Nước Đông Bình	-	-	111.170.000	111.170.000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2019		Tại 31/12/2019	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong năm VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.202.079.441	35.187.174.179	4.202.079.441	33.772.970.779
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.325.692.129	9.183.444.954	1.325.692.129	9.575.759.788
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	628.783.621	2.946.784.397	628.783.621	2.445.000.000
- Thuế tài nguyên	345.223.672	4.752.381.736	345.223.672	4.385.836.934
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	95.456.676	-	95.456.676
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	743.502.467	1.610.090.664	743.502.467	725.623.420
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	1.158.877.552	16.599.015.752	1.158.877.552	16.545.293.961
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	63.078.306	1.882.821.279	63.078.306	1.845.648.149
- Thuế thu nhập cá nhân	63.078.306	1.882.821.279	63.078.306	1.845.648.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	6.390.933.029	1.805.531.921
- Chi phí xử lý rác thải sinh hoạt	6.079.270.092	1.419.754.820
- Chi phí lãi vay phải trả	86.289.829	90.095.526
- Trích tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	295.681.575
- Trích trước chi phí thuê đất (HIDICO)	225.373.108	-
Dài hạn	-	-
Cộng	6.390.933.029	1.805.531.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	486.520.942.960	503.980.563.081
- Kinh phí công đoàn	19.439.701	45.441.322
- Bảo hiểm xã hội	440.313.931	244.826.358
- Bảo hiểm y tế	84.865.321	47.491.481
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.861.919.300	1.524.449.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	484.114.404.707	502.118.354.620
+ Cổ tức	-	160.000
+ Thuế thu nhập cá nhân nhân viên	-	574.833.331
+ Liên danh GECPL-SFC	-	13.690.416.077
+ Dịch vụ Tư vấn Giám sát FICHTNER	85.086.000	541.796.650
+ Phí nước thải	4.791.454.365	3.390.104.154
+ Chi phí đồng phục	-	2.151.942.000
+ Ban QLDA Nâng cấp Đô thị TP.Cao Lãnh (*)	13.352.000.000	13.352.000.000
+ Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp (*)	1.002.692.350	1.002.692.350
+ Ban QLDA Công ty - Chi phí quản lý dự án	2.600.098.369	275.439.946
+ Ban QLDA Công ty - Chi phí thẩm tra, giám sát, phê duyệt quyết toán	954.559.000	954.559.000
+ Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh (**)	452.582.121.204	432.157.389.127
+ Dự án Hệ thống cấp nước Thường Thới Tiền	-	15.651.770.500
+ Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)	290.435.844	6.356.564.656
+ Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)	235.143.180	3.858.024.691
+ Dự án Đường nội bộ vào Nhà máy xử lý rác, Đập Đá HCL (**)	1.862.406.000	1.491.100.000
+ Hệ thống cấp nước Xã Tân Khánh Trung, Huyện Lấp Vò (Sở Tài chính)	5.036.137.714	5.875.494.000
+ Phòng Tài chính Kế hoạch TP.Cao Lãnh	483.030.000	483.030.000
+ Phải trả, phải nộp khác	839.240.681	311.038.138
Dài hạn	24.241.339.823	-
- Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)	4.066.101.812	-
- Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)	3.292.004.511	-
- Dự án Hệ thống cấp nước Thường Thới Tiền	16.883.233.500	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	510.762.282.783	503.980.563.081

(*) Là khoản Cty mượn 9 xe ép rác và 1 ô tô chở rác với tổng giá trị là 14.354.692.350 đồng.

(**) Đây là khoản phải trả liên quan đến các công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn vốn đối ứng ngân sách Nhà nước. Sau khi các công trình trên hoàn thành, Công ty sẽ bàn giao cho cơ quan tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào công văn số 1445/STC-TCDN của Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp ngày 29/06/2018 về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2019		Trong năm		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
	Vay, nợ thuế tài chính ngắn hạn	46.291.277.255	46.291.277.255	35.743.277.255	22.338.205.000	32.886.205.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	12.975.451.487	12.975.451.487	1.983.451.487	1.992.000.000	12.984.000.000	12.984.000.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	20.835.200.000	20.835.200.000	21.279.200.000	20.346.205.000	19.902.205.000	19.902.205.000
- Ngân hàng Công Thương VN (3)	12.480.625.768	12.480.625.768	12.480.625.768	-	-	-
Vay, nợ thuế tài chính dài hạn	103.163.498.000	103.163.498.000	8.441.993.000	39.728.251.487	134.449.756.487	134.449.756.487
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	66.193.964.000	66.193.964.000	5.473.600.000	18.449.051.487	79.169.415.487	79.169.415.487
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	36.969.534.000	36.969.534.000	2.968.393.000	21.279.200.000	55.280.341.000	55.280.341.000
Cộng	149.454.775.255	149.454.775.255	44.185.270.255	62.066.456.487	167.335.961.487	167.335.961.487

(1) Khoản vay theo Dự án Hà Lan của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đồng Tháp - An Giang. Số tiền vay: 112.460.000.000 đồng. Mục đích vay: Vốn vay được sử dụng để đầu tư tài sản cố định của Dự án hệ thống cấp nước Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp, công suất 10.000 m3/ngày đêm – hạng mục xây dựng và thiết bị. Lãi suất: 0,3%/năm, thời hạn vay 15 năm kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn là 2,5 năm. Tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là công trình dự án hệ thống cấp nước Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp.

(2) Là tổng vốn vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp. Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây dựng và thiết bị, tài sản đảm bảo: Tín chấp

(3) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 412/2019/HĐCVHM/NHCT720-DOWASEN ngày 04/12/2019, với hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng/giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng. Công ty thực hiện cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho hợp đồng vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

Hợp đồng	Dự án	Tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất
Số 06/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 31/12/2013	Xây dựng trạm xử lý nước sông Nha Mân Huyện Châu Thành	1.668.211.000	7 năm	6%/năm
Số 06/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 26/12/2014	Dự án Trạm Cấp nước KCN Xã Mỹ Hiệp	1.750.000.000	8 năm	6%/năm
Số 04/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 27/06/2014	Dự án Hệ thống Cấp nước Xã Thường Thới Tiền, Huyện Hồng Ngự, công suất 1.500m3/ngày đêm	2.323.272.000	8 năm	6%/năm
Số 06/2015/HĐTD-ĐTPT ngày 26/10/2014	Dự án Hệ thống Cấp nước Xã Thường Thới Tiền, Huyện Hồng Ngự, công suất 3.000m3/ngày đêm	738.285.000	8 năm	6%/năm
Số 05/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 23/12/2013	Dự án Xây dựng Hệ thống Cấp nước, Thị xã Hồng Ngự, công suất 10.000m3/ngày đêm	11.033.702.000	8 năm	6%/năm
Số 06/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 14/06/2017	Cầu Cái Sao Thượng đến Khu 500 căn	2.099.443.000	4 năm	6%/năm
Số 01/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 25/02/2018	Dự án Xây dựng Khoan 2 giếng tại KDC Phú Long, Thành phố Sa Đéc và Xã Phương Trà, giai đoạn 2, công suất 2.400 m3/ngày đêm	1.707.568.000	4 năm	6%/năm
Số 07/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 06/07/2017	Dự án Tuyến ống Cấp nước truyền tải từ Nhà máy nước mặt Đồng Bình về Thành phố Cao Lãnh	13.746.316.000	6 năm	6%/năm
Số 08/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 17/7/2017	Dự án Công trình Nhà máy nước Đồng Bình, công suất 5.000 m3/ngày đêm	14.113.436.000	8 năm	6%/năm
Số 04/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 29/5/2018	Dự án Công trình Nhà máy nước mặt Đồng Bình, công suất 5.000 m3/ngày đêm, giai đoạn 2, tại xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	3.765.570.000	6 năm	6%/năm
Số 03/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 28/5/2018	Dự án Công trình Nâng công suất Nhà máy nước mặt Huyện Cao Lãnh, giai đoạn 2, công suất 2.400 m3/ngày đêm	2.334.538.000	8 năm	6%/năm
Số 03/2019/HĐTD - QĐTPT ngày 30/05/2019	Mở rộng mạng lưới cấp nước chi nhánh 2 - năm 2017	1.955.861.000	4 năm	6%/năm
Số 04/2019/HĐTD - QĐTPT ngày 30/05/2019	Mở rộng mạng lưới cấp nước CN 1, CN 5 - năm 2017	568.532.000	5 năm	6%/năm
Hợp đồng vay Dự án Hà Lan	Dự án Hà Lan (Vay NHPT)	3.975.451.487	12 năm	3%/năm
Số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 09/04/2013	Dự án Hệ thống Cấp nước, Thị xã Hồng Ngự, công suất 10.000 m3/ngày đêm (Vay NHPT)	75.193.964.000	15 năm	0,3%/năm
412/2019/HĐCVHM/NHCT720-DOWASEN ngày 04/12/2019	Vay thanh toán tiền vật tư	12.480.625.768	5 tháng	
Tổng cộng		149.454.775.255		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
UBND tỉnh Đồng Tháp	85,60%	221.854.800.000	85,60%	221.854.800.000
Ông Phan Đình Hùng	0,41%	1.056.000.000	0,41%	1.056.000.000
Ông Nguyễn Văn Đề	0,22%	577.000.000	0,22%	577.000.000
Ông Nguyễn Thượng Vũ	0,20%	526.000.000	0,20%	526.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	0,03%	80.000.000	0,03%	80.000.000
Ông Phạm Chí Thức	0,13%	339.000.000	0,13%	339.000.000
Cổ đông khác	13,41%	34.748.500.000	13,41%	34.748.500.000
Cộng	100%	259.181.300.000	100%	259.181.300.000

21.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	259.181.300.000	355.575.500.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	96.394.200.000
- Vốn góp cuối năm	259.181.300.000	259.181.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.367.252.000	-

21.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2019 Cổ phiếu	Tại 01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	25.918.130	25.918.130
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu thường	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu thường	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại 01/01/2018	355.575.500.000	-	-	12.418.016.513	367.993.516.513		
- Điều chỉnh giảm vốn Nhà nước	(96.394.200.000)	-	-	-	(96.394.200.000)		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	21.406.331.686	21.406.331.686		
- Phân phối lợi nhuận năm 2017	-	4.718.846.275	4.718.846.275	(12.418.016.513)	(7.699.170.238)		
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	4.718.846.275	4.718.846.275	(4.718.846.275)	-		
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.707.562.238)	(1.707.562.238)		
+ Trích Quỹ thưởng Ban Điều hành	-	-	-	(302.400.000)	(302.400.000)		
+ Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(5.689.208.000)	(5.689.208.000)		
Tại 31/12/2018	259.181.300.000	4.718.846.275	4.718.846.275	21.406.331.686	285.306.477.961		
Tại 01/01/2019	259.181.300.000	4.718.846.275	4.718.846.275	21.406.331.686	285.306.477.961		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.539.476.084	24.539.476.084		
- Phân phối lợi nhuận năm 2018 (*)	-	7.492.216.090	7.492.216.090	(21.406.331.686)	(13.914.115.596)		
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	7.492.216.090	7.492.216.090	(7.492.216.090)	-		
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.093.263.596)	(3.093.263.596)		
+ Trích Quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách	-	-	-	(453.600.000)	(453.600.000)		
+ Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(10.367.252.000)	(10.367.252.000)		
Tại 31/12/2019	259.181.300.000	12.211.062.365	12.211.062.365	24.539.476.084	295.931.838.449		

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Nguồn Kinh phí đầu năm	83.489.424	109.219.277
Nguồn Kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	(54.324.415)	(25.729.853)
Nguồn Kinh phí còn lại cuối năm	29.165.009	83.489.424

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu	320.741.483.333	287.157.665.490
- Doanh thu bán hàng hóa	3.073.937.109	2.997.520.513
- Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	245.891.402.661	217.222.951.213
- Doanh thu nước đóng chai	6.284.791.821	4.993.313.648
- Doanh thu xây lắp	7.287.589.705	8.178.140.171
- Doanh thu dịch vụ thu gom rác	53.047.190.440	48.923.727.870
- Doanh thu dịch vụ khác	5.156.571.597	4.842.012.075
Doanh thu với các bên liên quan	366.973.873	138.712.935
- Công ty TNHH Nước Đông Bình	366.973.873	138.712.935

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	243.774.545	-
Cộng	243.774.545	-

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.579.741.462	2.435.454.060
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	151.522.089.590	129.127.614.325
Giá vốn nước đóng chai	4.460.849.871	3.376.321.920
Giá vốn xây lắp	6.429.590.074	6.806.225.111
Giá vốn dịch vụ thu gom rác	53.663.590.612	45.689.451.587
Giá vốn dịch vụ khác	4.198.640.482	4.044.789.701
Cộng	222.854.502.091	191.479.856.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	540.640.667	128.951.694
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	20.000.000
Doanh thu khác	2.520.015	-
Cộng	563.160.682	148.951.694

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.340.859.999	5.014.633.825
Cộng	4.340.859.999	5.014.633.825

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.728.919.010	27.319.745.023
- Chi phí nhân viên quản lý	20.877.837.009	13.743.885.571
- Chi phí vật liệu quản lý	330.465.000	539.490.032
- Chi phí đồ dùng văn phòng	502.697.312	512.071.162
- Chi phí khấu hao TSCĐ	714.871.848	640.253.643
- Thuế, phí và lệ phí	1.847.713.410	1.057.079.850
- Chi phí dự phòng	96.312.190	2.733.368.787
- Trích/ hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	1.481.266.000	(1.100.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	883.023.337	683.315.396
- Chi phí bằng tiền khác	8.994.732.904	8.510.280.582
Chi phí bán hàng	29.855.639.319	40.042.165.207
- Chi phí nhân viên bán hàng	606.860.976	9.970.641.672
- Chi phí vật liệu, bao bì	11.968.783.106	13.226.609.095
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	801.366.264	693.316.430
- Chi phí khấu hao TSCĐ	15.218.009.055	14.617.014.695
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.003.920.671	1.246.287.827
- Chi phí bằng tiền khác	256.699.247	288.295.488
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(1.100.000.000)
- Hoàn nhập Quỹ Phát triển KHCN	-	(1.100.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	70.000.000
Thu phạt vi phạm hợp đồng	30.505.000	12.090.000
Thu nhập từ khách hàng đóng góp chi phí lắp đặt đường ống	56.766.972	136.859.435
Thu nhập từ kiểm kê thừa	18.028.017	81.976.319
Thu nhập khác	113.124.650	145.477.009
Cộng	218.424.639	446.402.763

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	833.341.950	-
Chi phạt hành chính, phạt chậm nộp, phạt vi phạm hợp đồng	90.130.832	-
Vật tư thiếu sau kiểm kê	12.350.727	62.528.287
Chi phí khác	77.289.700	49.037.525
Cộng	1.013.113.209	111.565.812

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	123.207.619.717	59.123.717.208
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.211.560.366	33.402.107.332
Chi phí công cụ dụng cụ	2.604.885.413	1.109.842.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.719.116.213	49.932.070.624
Thuế, phí và lệ phí	6.600.095.146	497.897.869
Chi phí dự phòng	96.312.190	2.033.368.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.820.224.508	5.391.899.966
Chi phí bằng tiền khác	30.090.457.516	68.408.697.378
Cộng	281.350.271.069	219.899.601.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.486.260.481	23.785.053.376
Các khoản điều chỉnh tăng	2.001.583.484	22.163.525
- Chi phí bị phạt thuế, vi phạm hành chính	90.130.832	22.163.525
- Chi phí khấu hao không được trừ	1.911.452.652	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(20.000.000)	(20.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.000.000)	(20.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	29.467.843.965	23.787.216.901
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và dịch vụ thu gom rác	30.079.807.222	23.967.702.941
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	(611.963.257)	(180.486.040)
Thuế suất thuế TNDN		
- Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.946.784.397	2.378.721.690

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	24.539.476.084	21.406.331.686
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(3.093.263.596)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (VND)	-	(453.600.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	25.918.130	25.918.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	947	689

(*) Theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận 2018 với tỷ lệ là 12%. Trong năm 2019, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2019, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành như được nêu tại mục 21.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2018 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích quỹ này từ lợi nhuận năm 2019.

34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2019	Cung cấp nước sinh hoạt		Dịch vụ thu gom rác		Bán nước đóng chai và vật tư		Dịch vụ xây lắp		Dịch vụ khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	245.891.402.661	53.047.190.440	9.358.728.930	7.043.815.160	5.156.571.597	320.497.708.788					
Giá vốn bộ phận	(151.522.089.590)	(53.663.590.612)	(7.040.591.333)	(6.429.590.074)	(4.198.640.482)	(222.854.502.091)					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	94.369.313.071	(616.400.172)	2.318.137.597	13.473.405.234	9.355.212.079	97.643.206.697					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(65.584.558.329)					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						32.058.648.368					
Doanh thu hoạt động tài chính						563.160.682					
Chi phí tài chính						(4.340.859.999)					
Thu nhập khác						218.424.639					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện						(1.013.113.209)					
						(2.946.784.397)					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						24.539.476.084					
Tổng Tài sản						1.003.553.458.020					
Tổng Nợ phải trả						707.592.454.562					

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2018	Cung cấp nước sinh hoạt		Dịch vụ thu gom rác		Bán nước đóng chai và vật tư		Dịch vụ xây lắp		Dịch vụ khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.222.951.213	48.923.727.870	7.990.834.161	8.178.140.171	4.842.012.075	287.157.665.490					
Giá vốn bộ phận	(129.127.614.325)	(45.689.451.587)	(5.811.775.980)	(6.806.225.111)	(4.044.789.701)	(191.479.856.704)					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	88.095.336.888	3.234.276.283	2.179.058.181	14.984.365.282	8.886.801.776	95.677.808.786					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(67.361.910.230)					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						28.315.898.556					
Doanh thu hoạt động tài chính						148.951.694					
Chi phí tài chính						(5.014.633.825)					
Thu nhập khác						446.402.763					
Chi phí khác hành						(111.565.812)					
						(2.378.721.690)					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						21.406.331.686					
Tổng Tài sản						1.006.200.080.562					
Tổng Nợ phải trả						720.810.113.177					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tại 31/12/2019</u>	<u>Tại 01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán	-	1.027.942.592
- Công ty TNHH Nước Đông Bình	-	1.027.942.592
Giao dịch với các bên liên quan	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu với bên liên quan	366.973.873	138.712.935
- Công ty TNHH Nước Đông Bình	366.973.873	138.712.935
Mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan	7.196.997.290	6.104.220.379
- Công ty TNHH Nước Đông Bình	7.196.997.290	6.104.220.379
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	4.526.921.776	3.631.031.390
- Thù lao của Ban Kiểm soát	643.097.143	501.921.630
Cộng	5.170.018.919	4.132.953.020

37. CÁC THÔNG TIN KHÁC

37.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

37.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

37.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2019, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 12.611.003.239 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngoài ra, không có bất kỳ sự kiện nào khác gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.4 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Công ty thuê đất của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Tháp làm trụ sở theo hợp đồng số 4789/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 16/08/2012, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 15/01/1997. Theo quyết định 6790/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại (từ ngày 27/12/2016 đến hết ngày 14/01/2017). Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.
- Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTĐ ngày 24/06/2009 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 2.545 m² và đơn giá thuê đất là 2.438 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm). Tại ngày 11/09/2017, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận số CT06226 với tổng diện tích là 1.905,6 m².
- Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTĐ ngày 30/05/2008 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 826,5 m² và đơn giá thuê đất là 308 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm).
- Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTĐ ngày 25/12/2009 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 6.837,1 m² và đơn giá thuê đất là 539 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

Công ty được miễn tiền thuê đất hàng năm theo Điều 1, Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị định 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

37.5 THÔNG TIN KHÁC

Căn cứ Biên bản kiểm toán dự án Hệ thống thoát nước Thành phố Cao Lãnh của Kiểm toán Nhà nước ngày 15/08/2019, Kiểm toán Nhà nước đã kiến nghị xử lý tài chính 91.038.459.722 đồng, trong đó:

- Giá trị thu hồi nợ ngân sách Nhà nước là 1.190.734.090 đồng đã được Công ty điều chỉnh giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang (xem thêm tại mục 12 của Thuyết minh Báo cáo tài chính);
- Giá trị xử lý tài chính khác: 89.847.725.632 đồng. Giá trị này chưa điều chỉnh. Công ty đã bổ sung hồ sơ giải trình với đoàn Kiểm toán, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp cũng đã gửi văn bản xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư. Tháng 02/2020, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch Đầu tư đã ban hành các văn bản đề nghị UBND Tỉnh Đồng Tháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo về phương án xử lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.5 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Theo đó, Báo cáo tài chính này chưa gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến kiến nghị xử lý tài chính khác với giá trị 89.847.725.632 đồng theo Biên bản kiểm toán nêu trên. Dự án này được UBND tỉnh giao Công ty làm chủ đầu tư, theo quy định tại Nghị định 80/2014/NĐ-CP, dự án sẽ được quyết toán bàn giao chính thức toàn bộ về cho Nhà nước sau khi hoàn thành.

38. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

Trong năm 2019, Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 do các sai sót của năm trước. Chi tiết ảnh hưởng của việc trình bày lại trên báo cáo tài chính của năm trước như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	Tại 31/12/2018 đã kiểm toán VND	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-) VND	Tại 01/01/2019 sau điều chỉnh VND
Tài sản				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.447.035.722	(1.383.957.416)	63.078.306
Nợ phải trả				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.586.036.857	(1.383.957.416)	4.202.079.441

Ngoài ra, như được nêu tại mục 33 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh đã được điều chỉnh lại như sau:

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2018 đã kiểm toán VND/ cổ phiếu	Năm 2018 sau điều chỉnh VND/ cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	727	689
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	727	689

39. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 38 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tp. Cao Lãnh, ngày 10 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lý Thu Cúc

Hoàng Quốc Hưng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đễ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đễ